

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả rèn luyện K18
Học kỳ II Năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/QĐ-TTg ngày 02/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-ĐHKT&QTKD-HĐT ngày 29/4/2021 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1449/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 14/11/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và QTKD về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1134/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 26/9/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và QTKD về việc sửa đổi, bổ sung quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy;

Căn cứ vào phản hồi của các Khoa quản lý các ngành đào tạo, Viện Đào tạo quốc tế theo công văn số 938/ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 19/6/2025;

Căn cứ vào kết quả của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện HSSV Nhà trường họp ngày 19/6/2025.

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Công tác HSSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả rèn luyện học kỳ II năm học 2024-2025 của **1345 sinh viên K18 đại học hệ chính quy** (có danh sách kèm theo). Trong đó:

- Loại Xuất sắc: 213 sinh viên
- Loại Tốt: 373 sinh viên
- Loại Khá: 626 sinh viên
- Loại Trung bình: 98 sinh viên
- Loại Yếu: 4 sinh viên
- Loại Kém: 31 sinh viên

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Công tác HSSV, Trưởng phòng Phòng Đào tạo, Ban Chủ nhiệm các Khoa quản lý ngành đào tạo, Viện trưởng Viện Đào tạo quốc tế, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên trong Danh sách tại Điều 1 thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Như điều 3 (T/h);
- Lưu VT, CT HSSV;
- Website.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN K18
KHOA KẾ TOÁN**

Học kỳ II năm học 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 753/Q-ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 24 tháng 6 năm 2025)

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
		Lớp:K18-Kế toán A					
1	1	DTE2153403010462	Hồ Thị Minh	Anh	70	Khá	
2	2	DTE2153403010023	Khương Thị Vân	Anh	70	Khá	
3	3	DTE2153403010039	Dương Thị	Ánh	81	Tốt	
4	4	DTE2153403010059	Đồng Thị Ngọc	Ánh	75	Khá	
5	5	DTE2153403010456	Trần Thị Ngọc	Ánh	70	Khá	
6	6	DTE2153403010015	Vũ Thị Minh	Ánh	80	Tốt	
7	7	DTE2153403010064	Triệu Quỳnh	Châm	70	Khá	
8	8	DTE2153403010457	Hoàng Quỳnh	Chi	80	Tốt	
9	9	DTE2153403010025	Nguyễn Linh	Chi	70	Khá	
10	10	DTE2153403010302	Nguyễn Phương	Chi	95	Xuất sắc	
11	11	DTE2153403010040	Triệu An	Chi	70	Khá	
12	12	DTE2153403010442	Nguyễn Kim	Dung	70	Khá	
13	13	DTE2153403010003	Trịnh Viết	Dương	70	Khá	
14	14	DTE2153403010041	Hoàng Thị Thanh	Hà	80	Tốt	
15	15	DTE2153403010009	Phạm Thị Ngọc	Hà	85	Tốt	
16	16	DTE2153403010473	Nguyễn Hồng	Hải	70	Khá	
17	17	DTE2153403010043	Bùi Hồng	Hạnh	70	Khá	
18	18	DTE2153403010458	Nguyễn Thị	Hạnh	75	Khá	
19	19	DTE2153403010042	Vũ Minh	Hằng	70	Khá	
20	20	DTE2153403010045	Đỗ Thị Thanh	Hiền	80	Tốt	
21	21	DTE2153403010046	Nguyễn Thu	Hiền	70	Khá	
22	22	DTE2153403010068	Phạm Thu	Hoa	70	Khá	
23	23	DTE2153403010047	Nguyễn Hoàng	Hợp	70	Khá	
24	24	DTE2153403010069	Phạm Thị	Huế	100	Xuất sắc	
25	25	DTE2153403010011	Hoàng Thị Kim	Huệ	80	Tốt	
26	26	DTE2153403010008	Nguyễn Thị Thu	Hương	80	Tốt	
27	27	DTE2153403010048	Trần Thu	Hương	70	Khá	
28	28	DTE2153403010028	Đồng Thúy	Hường	70	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
29	29	DTE2153403010006	Nguyễn Thúy	Hường	70	Khá	
30	30	DTE2153403010013	Nguyễn Thúy	Kiều	70	Khá	
31	31	DTE2153403010029	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	70	Khá	
32	32	DTE2153403010521	Lê Mai	Linh	70	Khá	
33	33	DTE2153403010018	Lý Thị Thùy	Linh	80	Tốt	
34	34	DTE2153403010010	Nguyễn Nhật	Linh	65	Khá	
35	35	DTE2153403010049	Phạm Thị Lệ	Linh	70	Khá	
36	36	DTE2153403010012	Thái Thảo	Linh	70	Khá	
37	37	DTE2153403010052	Tổng Khánh	Linh	70	Khá	
38	38	DTE2153403010050	Trần Tùng	Linh	70	Khá	
39	39	DTE215340301051	Triệu Phương	Linh	70	Khá	
40	40	DTE2153403010019	Nguyễn Yến	Ly	70	Khá	
41	41	DTE2153403010053	Trần Thị Thanh	Mai	70	Khá	
42	42	DTE2153403010061	Bê Đức	Mạnh	70	Khá	
43	43	DTE2153403010448	Trịnh Tuấn	Minh	70	Khá	
44	44	DTE2153403010030	Vũ Trà	My	70	Khá	
45	45	DTE2153403010463	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	70	Khá	
46	46	DTE2153403010055	Đỗ Hoài	Ngọc	70	Khá	
47	47	DTE2153403010258	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	90	Xuất sắc	
48	48	DTE2153403010033	Trần Thị Thu	Nguyệt	70	Khá	
49	49	DTE2153403010476	Vũ Như	Quỳnh	80	Tốt	
50	50	DTE2153403010461	Long Thị	Tâm	70	Khá	
51	51	DTE2153403010005	Nguyễn Văn	Thắng	67	Khá	
52	52	DTE2153403010056	Đào Nguyên	Thọ	65	Khá	
53	53	DTE2153403010452	Dương Đức	Thông	70	Khá	
54	54	DTE2153403010036	Đặng Thị	Thùy	70	Khá	
55	55	DTE2153403010035	Lê Minh	Thúy	70	Khá	
56	56	DTE2153403010076	Hà Thị Thanh	Trà	95	Xuất sắc	
57	57	DTE2153403010037	Nguyễn Thu	Trang	70	Khá	
58	58	DTE2153403010077	Trần Thị	Trang	70	Khá	
59	59	DTE2153403010057	Trịnh Thị Huyền	Trang	80	Tốt	
60	60	DTE2153403010253	Nguyễn Đức	Tuấn	65	Khá	
61	61	DTE2153403010291	Bùi Phạm Như	Uyên	70	Khá	
62	62	DTE2153403010014	Nguyễn Thu	Uyên	70	Khá	
		K18 Kế toán B					
63	1	DTE2153403010080	Nguyễn Thị	An	85	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
64	2	DTE2153403010002	Dương Thị Lan	Anh	68	Khá	
65	3	DTE2153403010038	Đỗ Thị Vân	Anh	90	Xuất sắc	
66	4	DTE2153403010084	Hoàng Văn	Anh	90	Xuất sắc	
67	5	DTE2153403010087	Luân Thị Lan	Anh	68	Khá	
68	6	DTE2153403010085	Nguyễn Mai	Anh	68	Khá	
69	7	DTE2153403010136	Nguyễn Thị Kiều	Anh	88	Tốt	
70	8	DTE2153403010173	Nguyễn Thị Lan	Anh	88	Tốt	
71	9	DTE2153403010197	Trần Thị Ngọc	Anh	68	Khá	
72	10	DTE2153403010200	Trịnh Nhật	Anh	68	Khá	
73	11	DTE2153403010510	Hứa Ngọc	Ánh	84	Tốt	
74	12	DTE2153403010130	Ngô Thị Ngọc	Ánh	68	Khá	
75	13	DTE2153403010111	Nguyễn Hồng	Ánh	68	Khá	
76	14	DTE2153403010471	Vũ Xuân	Ánh	68	Khá	
77	15	DTE2153403010201	Nguyễn Thị	Bình	70	Khá	
78	16	DTE2153403010202	Hà Thị Kim	Chi	88	Tốt	
79	17	DTE2153403010088	Lê Thị	Chi	70	Khá	
80	18	DTE2153403010193	Hà Huy	Cường	65	Khá	
81	19	DTE2153403010174	Trần Thị Phương	Diễm	86	Tốt	
82	20	DTE2153403010090	Nguyễn Thị Thuỳ	Dung	98	Xuất sắc	
83	21	DTE2153403010138	Vũ Hoàng	Duy	86	Tốt	
84	22	DTE2153403010205	Nguyễn Hải	Duyên	95	Xuất sắc	
85	23	DTE2153403010117	Đoàn Hương	Giang	65	Khá	
86	24	DTE2153403010203	Dương Thị Thu	Hà	68	Khá	
87	25	DTE2153403010044	Đồng Thuý	Hạnh	86	Tốt	
88	26	DTE2153403010186	Lưu Thị	Hằng	88	Tốt	
89	27	DTE2153403010162	Ngô Thị Thu	Hiền	68	Khá	
90	28	DTE2153403010163	Dương Quỳnh	Hoa	68	Khá	
91	29	DTE2153403010139	Nguyễn Thị Xuân	Hoa	68	Khá	
92	30	DTE2153403010140	Ngô Thị Thanh	Hoài	82	Tốt	
93	31	DTE2153403010169	Trịnh Thu	Hồng	68	Khá	
94	32	DTE2153403010164	Nguyễn Thị	Hợp	82	Tốt	
95	33	DTE2153403010177	An Thị Khánh	Huyền	82	Tốt	
96	34	DTE2153403010142	Đỗ Thu	Huyền	96	Xuất sắc	
97	35	DTE2153403010528	Vũ Thị Thanh	Huyền	65	Khá	
98	36	DTE2153403010141	Lê Thúy	Hường	83	Tốt	
99	37	DTE2153403010204	Hoàng Văn	Hương	65	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
100	38	DTE2153403010198	Hà Thị Mỹ	Lệ	90	Xuất sắc	
101	39	DTE2153403010144	Nguyễn Trần Ngọc	Loan	68	Khá	
102	40	DTE2153403010255	Lý Minh	Lợi	65	Khá	
103	41	DTE2153403010333	Lý Thị Cẩm	Ly	86	Tốt	
104	42	DTE2153403010196	Dương Thị	Mùi	90	Xuất sắc	
105	43	DTE2153403010188	Nguyễn Thị Trà	My	65	Khá	
106	44	DTE2153403010098	Nguyễn Phương	Nga	65	Khá	
107	45	DTE2153403010486	Trần Hạnh	Nguyên	90	Xuất sắc	
108	46	DTE2153403010147	Dương Kim	Oanh	96	Xuất sắc	
109	47	DTE2153403010455	Trần Thị	Phương	86	Tốt	
110	48	DTE2153403010179	Phạm Thị Lệ	Quyên	90	Xuất sắc	
111	49	DTE2153403010157	Đặng Diễm	Quỳnh	84	Tốt	
112	50	DTE2153403010180	Nguyễn Như	Quỳnh	65	Khá	
113	51	DTE2153401200021	Dương Thị	Thảo	84	Tốt	
114	52	DTE2153403010149	Đặng Thị Phương	Thảo	90	Xuất sắc	
115	53	DTE2153403010148	Hoàng Thị	Thảo	65	Khá	
116	54	DTE2153403010150	Kiều Thị Thu	Thảo	70	Khá	
117	55	DTE2153403010194	Lê Thị Thu	Thảo	70	Khá	
118	56	DTE2153403010539	Nguyễn Thị Minh	Thảo	85	Tốt	
119	57	DTE2153403010182	Nguyễn Thị Phương	Thảo	65	Khá	
120	58	DTE2153403010181	Nguyễn Hồng	Thắm	89	Tốt	
121	59	DTE2153403010207	Ngô Thị Hoài	Thương	90	Xuất sắc	
122	60	DTE2153403010172	Dương Huyền	Trang	65	Khá	
123	61	DTE2153403010156	Triệu Thị Thu	Trang	84	Tốt	
124	62	DTE2153403010185	Nguyễn Kiều	Trinh	82	Tốt	
125	63	DTE2153403010514	Đào Thị Ánh	Tuyết	86	Tốt	
126	64	DTE2153403010208	Nguyễn Thị Tường	Vi	96	Xuất sắc	
127	65	DTE2153403010166	Tạ Thị	Yên	97	Xuất sắc	
		K18- Kế toán C					
128	1	DTE2153403010210	Hoàng Quỳnh	Anh	68	Khá	
129	2	DTE2153403010273	Nguyễn Hoàng	Anh	60	Trung bình	
130	3	DTE2153403010238	Nguyễn Quỳnh	Anh	82	Tốt	
131	4	DTE2153101040084	Nguyễn Thị Lan	Anh	70	Khá	
132	5	DTE2153403010230	Trương Mỹ	Anh	65	Khá	
133	6	DTE2153403010167	Nguyễn Thị	Bình	65	Khá	
134	7	DTE2153403010269	Lý Hừ	Cà	63	Trung bình	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
135	8	DTE2153403010243	Nguyễn Thị Khánh	Chi	65	Khá	
136	9	DTE2153403010216	Nguyễn Thị Thùy	Dung	90	Xuất sắc	
137	10	DTE2153403010217	Dương Ánh	Dương	71	Khá	
138	11	DTE2153403010262	Phạm Quỳnh	Giang	70	Khá	
139	12	DTE2153403010226	Ma Thị Lệ	Hà	70	Khá	
140	13	DTE2153403010239	Vũ Thị Thu	Hà	68	Khá	
141	14	DTE2153403010264	Ngô Thúy	Hằng	96	Xuất sắc	
142	15	DTE2153403010231	Vương Thu	Hằng	68	Khá	
143	16	DTE2153403010227	Phạm Thị	Hậu	88	Tốt	
144	17	DTE2153403010249	Nguyễn Thị Thu	Hiền	65	Khá	
145	18	DTE2153403010065	Nguyễn Thị Thu	Hiền	65	Khá	
146	19	DTE2153403010490	Dương Thị	Hoàn	70	Khá	
147	20	DTE2153403010263	Hà Huy	Hùng	65	Khá	
148	21	DTE2153403010020	Ngô Thị Khánh	Huyền	81	Tốt	
149	22	DTE2153403010511	Trần Khánh	Huyền	70	Khá	
150	23	DTE2153401010234	Trần Thanh	Huyền	70	Khá	
151	24	DTE2153403010094	Nguyễn Thu	Hương	67	Khá	
152	25	DTE2153403010488	Phạm Thị	Hương	65	Khá	
153	26	DTE2153403010244	Hứa Đức	Khải	57	Trung bình	
154	27	DTE2153403010474	Hoàng Văn	Khánh	67	Khá	
155	28	DTE2153403010265	Ma Thị Quỳnh	Lan	80	Tốt	
156	29	DTE2153403010083	Nguyễn Thị Hoài	Lan	67	Khá	
157	30	DTE2153403010266	Dương Khánh	Linh	70	Khá	
158	31	DTE2153403010220	Dương Thùy	Linh	67	Khá	
159	32	DTE2153403010073	Hoàng Thị	Ly	85	Tốt	
160	33	DTE2153403010280	Phạm Ánh	Mai	89	Tốt	
161	34	DTE2153403010296	Hà Thị Trà	My	65	Khá	
162	35	DTE2153403010097	Hoàng Thị Quỳnh	Nga	95	Xuất sắc	
163	36	DTE2153403010031	Nguyễn Thanh	Nga	57	Trung bình	
164	37	DTE2153403010450	Nông Thị Thúy	Nga	80	Tốt	
165	38	DTE2153403010121	Dương Thị Thanh	Ngân	82	Tốt	
166	39	DTE2153403010122	Ngô Thị	Ngọc	80	Tốt	
167	40	DTE2153403010074	Nguyễn Bích	Ngọc	67	Khá	
168	41	DTE2153403010100	Nguyễn Thảo	Nguyên	70	Khá	
169	42	DTE2153403010235	Nguyễn Thị Phương	Oanh	70	Khá	
170	43	DTE2153403010102	Trịnh Thị Kim	Oanh	86	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
171	44	DTE2153403010134	Vũ Kim	Phúc	65	Khá	
172	45	DTE2153403010123	Trần Thị	Phượng	95	Xuất sắc	
173	46	DTE2153403010246	Phạm Ngọc	Quý	65	Khá	
174	47	DTE2153403010530	Nguyễn Như	Quỳnh	80	Tốt	
175	48	DTE2153403010104	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	65	Khá	
176	49	DTE2153403010242	Phạm Ngọc	Quỳnh	71	Khá	
177	50	DTE2153403010229	Lê Thị Thanh	Tâm	66	Khá	
178	51	DTE2153403010275	Trần Thị Thanh	Tâm	65	Khá	
179	52	DTE2153403010271	Dương Thị	Thảo	69	Khá	
180	53	DTE2153403010221	Nguyễn Thị Phương	Thảo	90	Xuất sắc	
181	54	DTE2153403010222	Vũ Phương	Thảo	65	Khá	
182	55	DTE2153403010189	Ma Thị Ánh	Thiều	88	Tốt	
183	56	DTE2153403010260	Trần Anh	Thơ	65	Khá	
184	57	DTE2153403010268	Hoàng Minh	Thu	70	Khá	
185	58	DTE2153403010505	Nguyễn Thị Diệu	Thúy	67	Khá	
186	59	DTE2153403010277	Lê Anh	Thư	65	Khá	
187	60	DTE2153403010127	Dương Ngọc	Thương	70	Khá	
188	61	DTE2153403010494	Hà Nhật	Thương	82	Tốt	
189	62	DTE2153403010276	Bùi Văn	Trà	65	Khá	
190	63	DTE2153403010237	Phan Thị Huyền	Trang	83	Tốt	
191	64	DTE2053403010138	Hoàng Thị	Phương	65	Khá	
		K18- Kế toán D					
192	1	DTE2153403010321	Dương Quỳnh	Anh	70	Khá	
193	2	DTE2153403010532	Lê Minh	Anh	70	Khá	
194	3	DTE2153403010298	Ma Tú	Anh	98	Xuất sắc	
195	4	DTE2153403010507	Nguyễn Quỳnh	Anh	93	Xuất sắc	
196	5	DTE2153403010469	Phan Đặng Quỳnh	Anh	70	Khá	
197	6	DTE2153403010299	Trần Thị Vân	Anh	71	Khá	
198	7	DTE2153403010356	Trần Văn Đức	Anh	70	Khá	
199	8	DTE2153403010282	Lê Ngọc	Bảo	70	Khá	
200	9	DTE2153403010300	Nguyễn Thị	Bích	79	Khá	
201	10	DTE2153403010301	Nguyễn Thị Kim	Chi	70	Khá	
202	11	DTE2153403010358	Trần Linh	Chi	70	Khá	
203	12	DTE2153403010324	Lê Thùy	Dung	70	Khá	
204	13	DTE2153403010346	Vũ Thị	Đào	90	Xuất sắc	
205	14	DTE2153403010485	Vũ Hoàng	Đạt	94	Xuất sắc	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
206	15	DTE2153403010284	Dương Phương	Giang	88	Tốt	
207	16	DTE2153403010465	Hồ Thị	Hoa	70	Khá	
208	17	DTE2153403010286	Dương Thị Thu	Hoài	70	Khá	
209	18	DTE2153403010495	Đỗ Khánh	Huyền	70	Khá	
210	19	DTE2153403010318	Nguyễn Quỳnh	Hương	90	Xuất sắc	
211	20	DTE2153403010328	Nguyễn Thị	Lan	86	Tốt	
212	21	DTE2153403010304	Nguyễn Nhật	Lệ	70	Khá	
213	22	DTE2153403010363	Dương Thùy	Linh	70	Khá	
214	23	DTE2153403010332	Lường Thúy	Linh	97	Xuất sắc	
215	24	DTE2153403010349	Nguyễn Thị Huyền	Linh	83	Tốt	
216	25	DTE2153403010331	Nguyễn Trần Diệu	Linh	70	Khá	
217	26	DTE2153403010334	Trần Thị Quý	Ly	70	Khá	
218	27	DTE2153403010335	Nguyễn Thị Thu	Mai	98	Xuất sắc	
219	28	DTE2153403010290	Nguyễn Xuân	Mai	89	Tốt	
220	29	DTE2153403010336	Nguyễn Thị	My	87	Tốt	
221	30	DTE2153403010512	Đỗ Thanh	Ngân	70	Khá	
222	31	DTE2153403010337	Vũ Thị Trang	Nhung	89	Tốt	
223	32	DTE2153403010392	Dương Thị Mai	Phương	70	Khá	
224	33	DTE2153403010525	Nguyễn Thị	Phương	70	Khá	
225	34	DTE2153403010367	Nguyễn Thị Ánh	Phượng	90	Xuất sắc	
226	35	DTE2153403010316	Nguyễn Minh	Quân	70	Khá	
227	36	DTE2153403010483	Hứa Thị	Quỳnh	70	Khá	
228	37	DTE2153403010308	Vũ Trang	Quỳnh	70	Khá	
229	38	DTE2153403010433	Nguyễn Thị Phương	Thanh	90	Xuất sắc	
230	39	DTE2153403010310	Dương Thị	Thảo	71	Khá	
231	40	DTE2153403010353	Đỗ Thị	Thảo	90	Xuất sắc	
232	41	DTE2153403010338	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	70	Khá	
233	42	DTE2153403010369	Nguyễn Thị Thu	Thảo	90	Xuất sắc	
234	43	DTE2153403010339	Trần Thị Kim	Thoa	99	Xuất sắc	
235	44	DTE2153403010270	Đỗ Thị Kim	Thu	80	Tốt	
236	45	DTE2153403010341	Nông Thị	Thùy	90	Xuất sắc	
237	46	DTE2153403010223	Lê Thị	Thủy	70	Khá	
238	47	DTE2153403010311	Nguyễn Thị	Thủy	70	Khá	
239	48	DTE2153403010212	Quan Xuân	Thủy	71	Khá	
240	49	DTE2153403010125	Nguyễn Thị Hoài	Thương	86	Tốt	
241	50	DTE2153403010126	Trần Thị Hoài	Thương	70	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
242	51	DTE2153403010107	Đồng Thị Huyền	Trang	70	Khá	
243	52	DTE2153403010372	Lê Thùy	Trang	95	Xuất sắc	
244	53	DTE2153403010373	Nguyễn Thị	Trang	90	Xuất sắc	
245	54	DTE2153403010420	Nguyễn Thùy	Trang	70	Khá	
246	55	DTE2153403010501	Nông Thị Thùy	Trang	85	Tốt	
247	56	DTE2153403010429	Trần Thị Thu	Trang	71	Khá	
248	57	DTE2153403010419	Vũ Mai	Trang	70	Khá	
249	58	DTE2153403010355	Nguyễn Kiều	Trinh	70	Khá	
250	59	DTE2153403010343	Ma Thị Thanh	Trúc	99	Xuất sắc	
251	60	DTE2153403010109	Nông Tiểu	Tuyền	70	Khá	
252	61	DTE2153403010344	Đoàn Thanh	Vân	90	Xuất sắc	
253	62	DTE2153403010292	Nguyễn Thị Hải	Yến	70	Khá	
		K18 Kế toán E					
254	1	DTE2153403010434	Vũ Thu	An	100	Xuất sắc	
255	2	DTE2153403010441	Nguyễn Phương	Anh	69	Khá	
256	3	DTE2153403010464	Nguyễn Ngọc	Ánh	70	Khá	
257	4	DTE2153403010435	Hoàng Thị Kiều	Diễm	70	Khá	
258	5	DTE2153403010399	Đinh Thị Xuân	Diệu	70	Khá	
259	6	DTE2153403010379	Hoàng Hà	Dịu	70	Khá	
260	7	DTE2153403010422	Lã Thị	Du	70	Khá	
261	8	DTE2153403010400	Đàm Lê	Dương	70	Khá	
262	9	DTE2153403010432	Vũ Thùy	Dương	70	Khá	
263	10	DTE2153403010397	Nguyễn Thị Bích	Đào	90	Xuất sắc	
264	11	DTE2153403010359	Lê Ngọc	Hà	70	Khá	
265	12	DTE2153403010513	Nông Thị	Hạnh	70	Khá	
266	13	DTE2153403010380	Trần Thị Thu	Hằng	70	Khá	
267	14	DTE2153403010418	Dương Thị Thu	Hiền	70	Khá	
268	15	DTE2153403010360	Nguyễn Thị	Hiền	90	Xuất sắc	
269	16	DTE2153403010487	Nguyễn Lê Huyền	Hoa	70	Khá	
270	17	DTE2153403010381	Trần Thị	Hoa	70	Khá	
271	18	DTE2153403010414	Lê Thị Thu	Hoài	70	Khá	
272	19	DTE2153403010382	Nguyễn Ngọc	Hoài	70	Khá	
273	20	DTE2153403010436	Trần Thu	Hoài	90	Xuất sắc	
274	21	DTE2153403010508	Trương Văn	Hùng	70	Khá	
275	22	DTE2153403010524	Nguyễn Vũ Ngọc	Huyền	70	Khá	
276	23	DTE2153403010491	Đinh Thị Mai	Hương	70	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
277	24	DTE2153403010402	Hoàng Thị	Kiều	70	Khá	
278	25	DTE2153403010403	Phạm Thị	Lan	70	Khá	
279	26	DTE2153403010437	Đỗ Thị Thùy	Linh	70	Khá	
280	27	DTE2153403010502	Hoàng Thị Nhật	Linh	70	Khá	
281	28	DTE2153403010447	Nguyễn Ngọc	Linh	70	Khá	
282	29	DTE2153403010288	Nguyễn Thị Tùng	Linh	70	Khá	
283	30	DTE2153403010404	Nông Thị Khánh	Linh	70	Khá	
284	31	DTE2153403010445	Phạm Thị	Linh	74	Khá	
285	32	DTE2153403010424	Phạm Thùy	Linh	70	Khá	
286	33	DTE2153403010415	Thân Thị Thùy	Linh	70	Khá	
287	34	DTE2153403010387	Trần Khánh	Linh	70	Khá	
288	35	DTE2153403010425	Vũ Khánh	Linh	70	Khá	
289	36	DTE2153403010388	Nguyễn Thảo	Ly	70	Khá	
290	37	DTE2153403010389	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	70	Khá	
291	38	DTE2153403010390	Trần Thị	Mai	70	Khá	
292	39	DTE2153403010405	Vũ Thị Quỳnh	Mai	80	Tốt	
293	40	DTE2153403010449	Trần Hà	My	70	Khá	
294	41	DTE2153403010426	Nguyễn Thị Thuý	Nga	74	Khá	
295	42	DTE2153403010391	Hà La	Ngát	74	Khá	
296	43	DTE2153403010522	Nguyễn Khánh	Ngân	70	Khá	
297	44	DTE2153403010364	Lê Thị	Nghiên	70	Khá	
298	45	DTE2153403010427	Lý Thị	Ngọc	70	Khá	
299	46	DTE2153403010498	Ngô Thị Minh	Nguyệt	70	Khá	
300	47	DTE2153403010365	Nguyễn Quỳnh	Nhi	70	Khá	
301	48	DTE2153403010366	Đồng Thị Hồng	Nhung	70	Khá	
302	49	DTE2153403010451	Trần Thị Hồng	Nhung	70	Khá	
303	50	DTE2153403010408	Ngô Thị	Thành	70	Khá	
304	51	DTE2153403010377	Bùi Phương	Thảo	70	Khá	
305	52	DTE2153403010376	Dương Phương	Thảo	70	Khá	
306	53	DTE2153403010438	Phạm Phương	Thảo	74	Khá	
307	54	DTE2153403010409	Trương Thị Thanh	Thảo	70	Khá	
308	55	DTE2153403010439	Bùi Phương	Thu	70	Khá	
309	56	DTE2153403010395	Dương Thị	Thùy	70	Khá	
310	57	DTE2153403010533	Nguyễn Thị Thanh	Trà	70	Khá	
311	58	DTE2153403010396	Hà Kiều	Trang	70	Khá	
312	59	DTE2153403010440	Trần Thùy	Trang	89	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
313	60	DTE2153403010523	Vũ Kiều	Trang	70	Khá	
314	61	DTE2153403010378	Vũ Thị Minh	Trang	70	Khá	
315	62	DTE2153403010421	Phạm Tú	Uyên	70	Khá	
316	63	DTE2153403010431	Trần Yến	Vy	74	Khá	
317	64	DTE2153403010411	Nguyễn Thị Hải	Yến	70	Khá	
		K18- KTKT A					
318	1	DTE2153403010320	Nguyễn Thị Thu	An	60	Trung bình	
319	2	DTE2153403010081	Dương Thị Hải	Anh	70	Khá	
320	3	DTE2153403010112	Nguyễn Thúy	Anh	80	Tốt	
321	4	DTE2153403010158	Phạm Hoàng	Anh	60	Trung bình	
322	5	DTE2153403010063	Phạm Nguyễn Mai	Anh	70	Khá	
323	6	DTE2153403010113	Lại Ngọc	Ánh	90	Xuất sắc	
324	7	DTE2153403010086	Lưu Thị Ngọc	Ánh	90	Xuất sắc	
325	8	DTE2153403010114	Hoàng Dương	Chi	70	Khá	
326	9	DTE2153403010499	Đinh Hồng	Diễm	90	Xuất sắc	
327	10	DTE2153403010137	Đinh Thị	Diễm	68	Khá	
328	11	DTE2153403010091	Lê Thị Thùy	Dương	90	Xuất sắc	
329	12	DTE2153403010116	Lưu Thùy	Dương	90	Xuất sắc	
330	13	DTE2153403010026	Vũ Quang	Dương	60	Trung bình	
331	68	DTE2153403010478	Nguyễn Anh	Đào	66	Khá	
332	15	DTE2153403010225	Lưu Thị	Giang	60	Trung bình	
333	16	DTE2153403010168	Dương Thu	Hà	68	Khá	
334	17	DTE2153403010118	Phạm Ngọc	Hà	92	Xuất sắc	
335	18	DTE2153403010443	Nguyễn Mỹ	Hạnh	90	Xuất sắc	
336	19	DTE2153403010092	Nghiêm Thị	Hằng	68	Khá	
337	20	DTE2153403010248	Phan Thanh	Hằng	90	Xuất sắc	
338	21	DTE2153403010066	Nguyễn Thúy	Hiền	70	Khá	
339	22	DTE2153403010093	Bùi Thị	Hoa	70	Khá	
340	23	DTE2153403010466	Lê Thị Hồng	Hoa	90	Xuất sắc	
341	24	DTE2153403010067	Thái Diệu	Hoa	90	Xuất sắc	
342	25	DTE2153403010027	Trần Huy	Hoàng	65	Khá	
343	26	DTE2153403010170	Nguyễn Thị Kim	Huệ	60	Trung bình	
344	27	DTE2153403010071	Đặng Thanh	Huyền	68	Khá	
345	28	DTE2153403010095	Vũ Thị Thanh	Huyền	68	Khá	
346	29	DTE2153403010082	Trần Thị Lan	Hương	90	Xuất sắc	
347	30	DTE2153403010531	Nguyễn Thị	Hường	68	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
348	31	DTE2153403010206	Đỗ Trọng	Khánh	70	Khá	
349	32	DTE2153403010072	Đặng Thùy	Linh	97	Xuất sắc	
350	33	DTE2153403010459	Nguyễn Thị	Luyến	90	Xuất sắc	
351	34	DTE2153403010482	Hoàng Thị	Lương	90	Xuất sắc	
352	35	DTE2153403010187	Nguyễn Thị	Mai	70	Khá	
353	36	DTE2153403010120	Hoàng Thị Trà	My	68	Khá	
354	37	DTE2153403010099	Đỗ Thị Thúy	Ngân	70	Khá	
355	38	DTE2153403010306	Nguyễn Thị Hoàng	Ngân	70	Khá	
356	39	DTE2153403010101	Nguyễn Linh	Nhi	85	Tốt	
357	40	DTE2153403010467	Nguyễn Thị Trang	Nhung	90	Xuất sắc	
358	41	DTE2153403010103	Voòng Mai	Phuong	68	Khá	
359	42	DTE2153403010034	Nguyễn Như	Quỳnh	70	Khá	
360	43	DTE2153403010211	Khuất Thị	Thảo	0	Kém	Nghỉ học không lý do
361	44	DTE2153403010075	Nông Ngọc	Thảo	95	Xuất sắc	
362	45	DTE2153403010105	Đinh Đức	Thiện	60	Trung bình	
363	46	DTE2153403010124	Nông Thị	Thu	92	Xuất sắc	
364	47	DTE2153403010128	Huỳnh Thị Thu	Trang	95	Xuất sắc	
365	48	DTE2153403010132	Lục Ánh	Tuyết	92	Xuất sắc	
		K18-KTKTB					
366	1	DTE2153403010417	Đào Thị Kim	Anh	70	Khá	
367	2	DTE2153403010236	Hồ Thị Lan	Anh	70	Khá	
368	3	DTE2153403010247	Nguyễn Thị Hải	Anh	70	Khá	
369	4	DTE2153403010323	Phạm Ngọc	Anh	84	Tốt	
370	5	DTE2153403010214	Đỗ Ngọc	Ánh	93	Xuất sắc	
371	6	DTE2153403010215	Phạm Kim	Chi	85	Tốt	
372	7	DTE2153403010278	Hoàng Thị Thanh	Chúc	70	Khá	
373	8	DTE2153403010272	Nguyễn Thị	Duyên	70	Khá	
374	9	DTE2153403010283	Hoàng Thùy	Dương	93	Xuất sắc	
375	10	DTE2153403010254	Nguyễn Thị Thùy	Dương	70	Khá	
376	11	DTE2153403010257	Nguyễn Thị Hương	Giang	76	Khá	
377	12	DTE2153403010256	Trịnh Thị	Hảo	70	Khá	
378	13	DTE2153403010285	Phùng Thị	Hằng	96	Xuất sắc	
379	14	DTE2153403010218	Nguyễn Thị	Hiền	84	Tốt	
380	15	DTE2153403010240	Hoàng Thị Minh	Hiếu	94	Xuất sắc	
381	16	DTE2153403010444	Hoàng Thanh	Huyền	80	Tốt	
382	17	DTE2053403010464	Nguyễn Thị	Huyền	70	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
383	18	DTE2153403010287	Nguyễn Tuấn	Hưng	70	Khá	
384	19	DTE2153403010475	Nguyễn Thị Thùy	Linh	75	Khá	
385	20	DTE2153403010386	Phạm Lê Khánh	Linh	80	Tốt	
386	21	DTE2153403010274	Vũ Thùy	Linh	70	Khá	
387	22	DTE2153403010289	Cù Vũ Hiền	Lương	70	Khá	
388	23	DTE2153403010241	Phạm Thúy	Nga	70	Khá	
389	24	DTE2153403010145	Nguyễn Minh	Ngọc	83	Tốt	
390	25	DTE2153403010503	Phạm Minh	Ngọc	70	Khá	
391	26	DTE2153403010307	Dương Thảo	Nguyên	85	Tốt	
392	27	DTE2153403010261	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	85	Tốt	
393	28	DTE2153403010171	Nguyễn Thị	Nhung	70	Khá	
394	29	DTE2153403010393	Đào Thị	Phương	75	Khá	
395	30	DTE2153403010493	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	70	Khá	
396	31	DTE2153403010293	Phí Thị Hương	Quỳnh	70	Khá	
397	32	DTE2153403010309	Dương Thị	Thảo	98	Xuất sắc	
398	33	DTE2153403010340	Trần Nguyễn Minh	Thu	80	Tốt	
399	34	DTE2153403010477	Trương Thị	Thuận	78	Khá	
400	35	DTE2153403010410	Bùi Thị	Thủy	70	Khá	
401	36	DTE2153403010183	Dương Ngọc	Thương	70	Khá	
402	37	DTE2153403010342	Nguyễn Thị	Tinh	98	Xuất sắc	
403	38	DTE2153403010484	Lại Thị Thu	Trang	70	Khá	
404	39	DTE2153403010297	Nguyễn Quỳnh	Trang	70	Khá	
405	40	DTE2153403010294	Nguyễn Trần Quỳnh	Trang	70	Khá	
406	41	DTE2153403010151	Vũ Thùy	Trang	70	Khá	
407	42	DTE2153403010526	Trần Thu	Uyên	94	Xuất sắc	
408	43	DTE2153403010245	Nguyễn Văn	Việt	90	Xuất sắc	
409	44	DTE2153403010153	Nguyễn Thành	Vinh	70	Khá	
410	45	DTE2153403010481	Lê Thị	Yến	81	Tốt	

Xếp Loại	Số sinh viên	%
Xuất sắc	71	17.3
Tốt	70	17.1
Khá	258	62.9
Trung bình	10	2.4
Yếu	0	0.0
Kém	1	0.2
Không xét	0	0.0
Tổng	410	100

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN K18
KHOA KINH TẾ**

Học kỳ II năm học 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 753/Q-ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 24 tháng 6 năm 2025)

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
		K18 KTĐT A					
1	1	DTE2153101040050	Đinh Bằng	An	66	Khá	
2	2	DTE2153101040044	Phạm Trường	An	55	Trung bình	
3	3	DTE2153101040086	Hoàng Việt	Anh	75	Khá	
4	4	DTE2153101040030	Nguyễn Hoàng	Anh	75	Khá	
5	5	DTE2153101040022	Phạm Phương	Anh	80	Tốt	
6	6	DTE2153101040054	Phạm Thị Tuyết	Anh	80	Tốt	
7	7	DTE2153101040063	Vũ Dương Việt	Anh	80	Tốt	
8	8	DTE2153101040031	Trương Xuân	Bắc	55	Trung bình	
9	9	DTE2153101040023	Đồng Thị Thanh	Bình	80	Tốt	
10	10	DTE2153101040083	Maiteng	Chuelee	75	Khá	
11	11	DTE2153101040039	Mẫn Thành	Chung	80	Tốt	
12	12	DTE2153101040040	Đinh Bùi Tuấn	Cường	80	Tốt	
13	13	DTE2153101040012	Chu Tiến	Dũng	73	Khá	
14	14	DTE2153101040081	Nguyễn Đức	Duy	60	Trung bình	
15	15	DTE2153101040046	Phạm Thị	Duyên	80	Tốt	
16	16	DTE2153101040001	Nguyễn Hồng	Dương	75	Khá	
17	17	DTE2153101040058	Dương Văn	Đạt	80	Tốt	
18	18	DTE2153101040037	Hoàng Thị Phương	Giao	60	Trung bình	
19	19	DTE2153101050028	Lê Thu	Hằng	80	Tốt	
20	20	DTE2153101040047	Trần Thị	Hiền	80	Tốt	
21	21	DTE2153402010100	Ngô Trung	Hiếu	60	Trung bình	
22	22	DTE2153101040010	Phạm Anh	Hiếu	80	Tốt	
23	23	DTE2153101040072	Phương Minh	Hoa	80	Tốt	
24	24	DTE2153401010373	Trương Việt	Hoàng	80	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
25	25	DTE2153101040016	Lê Mạnh	Huân	75	Khá	
26	26	DTE2153401010097	Đỗ Minh	Huệ	80	Tốt	
27	27	DTE2153101040017	Nguyễn Đình	Huy	80	Tốt	
28	28	DTE2153101040008	Phạm Quang	Huy	80	Tốt	
29	29	DTE2153101040051	Bùi Xuân	Khánh	80	Tốt	
30	30	DTE2153101040020	Trần Nam	Khánh	80	Tốt	
31	31	DTE2153401010078	Nguyễn Thị	Lành	75	Khá	
32	32	DTE2153101040035	Bùi Yên	Linh	70	Khá	
33	33	DTE2153101040013	Lê Thùy	Linh	98	Xuất sắc	
34	34	DTE2153101040041	Nguyễn Thị Mai	Linh	70	Khá	
35	35	DTE2153101040048	Đinh Hữu	Lộc	73	Khá	
36	36	DTE2153101040076	Đoàn Lưu	Ly	80	Tốt	
37	37	DTE2153101040014	Trần Khánh	Ly	75	Khá	
38	38	DTE2153101040075	Tạ Thanh	Mai	80	Tốt	
39	39	DTE2153101040036	Nguyễn Quang	Minh	70	Khá	
40	40	DTE2153101040002	Bùi Hoàng	Nam	80	Tốt	
41	41	DTE2153101040015	Nguyễn Ngọc	Nam	71	Khá	
42	42	DTE2153101040065	Nguyễn Bích	Ngọc	80	Tốt	
43	43	DTE2153101040087	Ma Thị	Nguyệt	80	Tốt	
44	44	DTE2153101040061	Diệp Văn	Nhàn	71	Khá	
45	45	DTE2153101040042	Trần Gia	Nhân	80	Tốt	
46	46	DTE2153101040006	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	80	Tốt	
47	47	DTE2153101050015	Nguyễn Thị	Nhị	80	Tốt	
48	48	DTE2153101040073	Trần Thị Kim	Oanh	70	Khá	
49	49	DTE2153401010035	Vũ Thị Thu	Phương	80	Tốt	
50	50	DTE2153101040068	Dương Lệ	Quên	80	Tốt	
51	51	DTE2153101040078	Mai Như	Quỳnh	80	Tốt	
52	52	DTE2153101040029	Nguyễn Hương	Quỳnh	80	Tốt	
53	53	DTE2153101040057	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	80	Tốt	
54	54	DTE2153101040034	Lý Thanh Thanh	Thảo	80	Tốt	
55	55	DTE2153401150116	Đoàn Đức	Tiến	80	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
		K18 KTĐT B					
56	1	DTE2153101010004	Nguyễn Quỳnh	Anh	70	Khá	
57	2	DTE2153101010008	Hầu Thị Bích	Diệp	80	Tốt	
58	3	DTE2153101010017	Nguyễn Văn	Duy	45	Yếu	
59	4	DTE2153101010033	Mẫn Thị	Duyên	78	Khá	
60	5	DTE2153101010025	Đoàn Tuấn	Dương	50	Trung bình	
61	6	DTE2153101010037	Nguyễn Văn	Đạt	0	Kém	Nghi học không lý do
62	7	DTE2153101010009	Nguyễn Thị Thu	Hà	81	Tốt	
63	8	DTE2153101010038	Phùng Thu	Hà	81	Tốt	
64	9	DTE2153101010046	Bùi Huy	Hoàng	54	Trung bình	
65	10	DTE2153101010040	Dương Thị	Hồng	81	Tốt	
66	11	DTE2153101010041	Lưu Thị Thu	Hường	80	Tốt	
67	12	DTE2153101010053	Hoàng Thị	Huế	65	Khá	
68	13	DTE2153101010034	Nguyễn Phương	Lam	75	Khá	
69	14	DTE2153101010032	Nguyễn Thị	Liên	81	Tốt	
70	15	DTE2153101010042	Dương Thùy	Linh	84	Tốt	
71	16	DTE2153101010014	Lý Ngọc	Linh	62	Trung bình	
72	17	DTE2153101010035	Phan Ngọc	Linh	80	Tốt	
73	18	DTE2153101010012	Trần Thùy	Linh	81	Tốt	
74	19	DTE2153101010029	Nguyễn Thị Kim	Loan	80	Tốt	
75	20	DTE2153101010062	Tô Thị	Loan	80	Tốt	
76	21	DTE2153101010001	Đặng Thị Hương	Ly	69	Khá	
77	22	DTE2153101010048	Lương Ngọc	Mạnh	65	Khá	
78	23	DTE2153101010043	Đặng Hoàng Quang	Minh	61	Trung bình	
79	24	DTE2153101010049	Dương Đức	Nam	65	Khá	
80	25	DTE2153101010054	Đỗ Thị	Phương	76	Khá	
81	26	DTE2153101010026	Trần Thị Thu	Phương	80	Tốt	
82	27	DTE2153101010030	Chu Thị	Phượng	81	Tốt	
83	28	DTE2153101010022	Hoàng Đức	Quang	60	Trung bình	
84	29	DTE2153101040080	Trần Diễm	Quỳnh	76	Khá	
85	30	DTE2153101040025	Phạm Văn	Sơn	77	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
86	31	DTE2153101010036	Trần Hồng	Sơn	78	Khá	
87	32	DTE2153101040004	Nguyễn Minh	Tân	65	Khá	
88	33	DTE2153101040069	Mê Văn	Thành	70	Khá	
89	34	DTE2153101040007	Lê Phương	Thảo	40	Yếu	
90	35	DTE2153101040038	Ma Phương	Thảo	72	Khá	
91	36	DTE2153101010021	Nguyễn Thị	Thảo	70	Khá	
92	37	DTE2153101010023	Phạm Khánh	Thảo	70	Khá	
93	38	DTE2153101040064	Trần Phương	Thảo	64	Trung bình	
94	39	DTE2153101010052	Trần Thị	Thùy	80	Tốt	
95	40	DTE2153101010061	Ngô Thị Thu	Thủy	85	Tốt	
96	41	DTE2153101010050	Lưu Phương	Thúy	80	Tốt	
97	42	DTE2153101040021	Hà Vũ	Toàn	57	Trung bình	
98	43	DTE2153101010056	Vũ Hồng	Trà	75	Khá	
99	44	DTE2153101010013	Đinh Thị Huyền	Trang	80	Tốt	
100	45	DTE2153101010063	Đinh Thị Thu	Trang	70	Khá	
101	46	DTE2153101010047	Hoàng Thị Huyền	Trang	69	Khá	
102	47	DTE2153101040082	Hoàng Thị Mai	Trang	81	Tốt	
103	48	DTE2153101010016	Nguyễn Nhật	Trường	66	Khá	
104	49	DTE2153101040003	Nguyễn Anh	Tú	70	Khá	
105	50	DTE2153101040077	Trần Ngọc	Tuấn	70	Khá	
106	51	DTE2153101010031	Vũ Minh	Tuấn	60	Trung bình	
107	52	DTE2153101010019	Phạm Thanh	Tùng	80	Tốt	
108	53	DTE2153101010011	Dương Thị	Tuyên	86	Tốt	
109	54	DTE2153101010059	Nguyễn Bá	Vượng	40	Yếu	
110	55	DTE2153101010002	Trương Thế	Vinh	0	Kém	Nghỉ học không lý do
		K18 KTPT					
111	1	DTE2153101050030	Nguyễn Vũ Vi	Anh	67	Khá	
112	2	DTE2153101050032	Bùi Văn	Cương	66	Khá	
113	3	DTE2153101050045	Mai Ngọc	Duy	67	Khá	
114	4	DTE2153101050031	Nguyễn Thị Khánh	Duyên	80	Tốt	
115	5	DTE2153101050024	Vũ Thùy	Duyên	70	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
116	6	DTE2153101050003	Đinh Trần Thùy	Dương	94	Xuất sắc	
117	7	DTE2153101050038	Trần Văn	Đạt	67	Khá	
118	8	DTE2153101050036	Bàn Thị Thúy	Hằng	80	Tốt	
119	9	DTE2153101050009	Dương Thị Thu	Hường	80	Tốt	
120	10	DTE2153101050026	Dương Thị Thu	Lê	80	Tốt	
121	11	DTE2153101050010	Nông Thị	Linh	80	Tốt	
122	12	DTE2153101050041	Vi Khánh	Linh	66	Khá	
123	13	DTE2153101050006	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	80	Tốt	
124	14	DTE2153101050013	Nguyễn Hồng	Ngọc	67	Khá	
125	15	DTE2153101050004	Đinh Thị Nhã	Phấn	80	Tốt	
126	16	DTE2153101050042	Hoàng Trọng	Phúc	80	Tốt	
127	17	DTE2153101050037	Lường Văn	Quang	66	Khá	
128	18	DTE2153101050029	Trần Minh	Quân	80	Tốt	
129	19	DTE2153101050044	Hoàng Công	Thái	66	Khá	
130	20	DTE2153101050027	Lê Thị Thanh	Thảo	80	Tốt	
131	21	DTE2153101050017	Nguyễn Đức Cường	Thịnh	65	Khá	
132	22	DTE2153101050039	Đinh Quang	Thọ	80	Tốt	
133	23	DTE2153101050014	Nguyễn Thị	Thương	80	Tốt	
134	24	DTE2153101050020	Hoàng Thị	Trang	86	Tốt	
135	25	DTE2153101050016	Hoàng Ngọc	Trọng	80	Tốt	
		K18 KTĐT					
136	1	DTE2153101040071	Trần Anh	Đức	Xét kỳ sau. Hiện được phân chuyên ngành vào lớp K20 KTĐT		

Xếp Loại	Số sinh viên
Xuất sắc	2
Tốt	67
Khá	48
Trung bình	13
Yếu	3
Kém	2
Không xét	1
Bảo lưu	0
Tổng	135

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN K18
KHOA MARKETING, THƯƠNG MẠI, DU LỊCH

Học kỳ 2 năm học 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 753/Q-ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 24 tháng 6 năm 2025)

ST	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
K18 QT Marketing A							
1	1	DTE2153401150006	Bùi Văn	Anh	95	Xuất sắc	
2	2	DTE2153401150174	Đỗ Văn	Anh	80	Tốt	
3	3	DTE2153401150184	Lê Thị Kim	Anh	75	Khá	
4	4	DTE2153401150036	Vũ Lan	Anh	73	Khá	
5	5	DTE2153401150007	Vũ Hồng	Ánh	75	Khá	
6	6	DTE2153401150023	Đình Khánh	Chi	79	Khá	
7	7	DTE2153401150152	Lê Mai	Chi	70	Khá	
8	8	DTE2153401150037	Hoàng Đức	Dân	90	Xuất sắc	
9	9	DTE2153401150057	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	90	Xuất sắc	
10	10	DTE2153401150167	Vũ Hùng	Duy	73	Khá	
11	11	DTE2153401150044	Nguyễn Thành	Đạt	75	Khá	
12	12	DTE2153401150003	Đoàn Đình	Đức	75	Khá	
13	13	DTE2153401150031	Nguyễn Hương	Giang	90	Xuất sắc	
14	14	DTE2153401150009	Bùi Ngọc	Hà	92	Xuất sắc	
15	15	DTE2153401150046	Ngô Thu	Hà	70	Khá	
16	16	DTE2153401150008	Vũ Thị Thu	Hà	70	Khá	
17	17	DTE2153401150159	Triệu Thị Hào	Hào	84	Tốt	
18	18	DTE2153401150154	Nhữ Thị Thu	Hằng	85	Tốt	
19	19	DTE2153401150038	Hoàng Trung	Hậu	85	Tốt	
20	20	DTE2153401150032	Phạm Thị	Hiệp	77	Khá	
21	21	DTE2153401150162	Nguyễn Minh	Hiếu	70	Khá	
22	22	DTE2153401150039	Dương Thị Thanh	Hoa	90	Xuất sắc	
23	23	DTE2153401150185	Nguyễn Thị	Hoa	60	Trung bình	
24	24	DTE2153401150060	Trần Thị Thái	Hoa	90	Xuất sắc	
25	25	DTE2153401150165	Đào Thị	Hoài	85	Tốt	

ST	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
26	26	DTE2153401150069	Nguyễn Thị	Huyền	91	Xuất sắc	
27	27	DTE2153401150013	Phạm Thị	Huyền	80	Tốt	
28	28	DTE2153401150166	Nguyễn Thị	Hương	72	Khá	
29	29	DTE2153401150033	Nguyễn Thị Thu	Hương	73	Khá	
30	30	DTE2153401150058	Trần Thị Thu	Hương	72	Khá	
31	31	DTE2153401150067	Đổng Thị Kim	Khánh	85	Tốt	
32	32	DTE2153401150146	Nguyễn Thị	Lanh	83	Tốt	
33	33	DTE2153401150025	Hoàng Diệu	Linh	70	Khá	
34	34	DTE2153401150053	Lương Diệu	Linh	88	Tốt	
35	35	DTE2153401150054	Phạm Khánh	Linh	70	Khá	
36	36	DTE2153401150004	Trần Diệu	Linh	90	Xuất sắc	
37	37	DTE2153401150026	Triệu Yến	Linh	95	Xuất sắc	
38	38	DTE2153401150014	Đào Vân	Ly	83	Tốt	
39	39	DTE2153401150070	Trần Thị	Mận	70	Khá	
40	40	DTE2153401150040	Nông Ngọc	Mến	70	Khá	
41	41	DTE2153401150015	Phạm Thị Hồng	Na	87	Tốt	
42	42	DTE2153401150063	Long Thị Hồng	Ngọc	85	Tốt	
43	43	DTE2153401150171	Nguyễn Bảo	Ngọc	86	Tốt	
44	44	DTE2153401150021	Trần Thảo	Nguyên	83	Tốt	
45	45	DTE2153401150027	Ngô Thị Tuyết	Nhi	70	Khá	
46	46	DTE2153401150065	Bùi Phương	Nhung	82	Tốt	
47	47	DTE2153401150055	Bùi Tuyết	Nhung	0	Kém	
48	48	DTE2153401150028	Nông Thị	Phúc	87	Tốt	
49	49	DTE2153401150029	Bùi Thị Hà	Phương	75	Khá	
50	50	DTE2153401150045	Nguyễn Minh	Phương	72	Khá	
51	51	DTE2153401150064	Nguyễn Ngọc Bích	Phương	84	Tốt	
52	52	DTE2153401150050	Nguyễn Thị Thu	Phương	90	Xuất sắc	
53	53	DTE2153401150002	Vũ Đỗ Huyền	Phương	84	Tốt	
54	54	DTE2153401150061	Lù Thị	Phượng	80	Tốt	
55	55	DTE2153401150071	Nguyễn Huy	Thái	70	Khá	
56	56	DTE2153401150066	Diệp Bích	Thảo	73	Khá	
57	57	DTE2153401150043	Hồ Phương	Thảo	89	Tốt	
58	58	DTE2153401150035	Nguyễn Thị Bích	Thảo	84	Tốt	

ST	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
59	59	DTE2153401150163	Trần Việt	Thắng	70	Khá	
60	60	DTE2153401150030	Trần Thị Thu	Thủy	80	Tốt	
61	61	DTE2153401150195	Trần Thị	Thùy	84	Tốt	
62	62	DTE2153401150017	Hoàng Quang	Toàn	75	Khá	
63	63	DTE2153401150018	Nguyễn Danh	Toàn	97	Xuất sắc	
64	64	DTE2153401150011	Nguyễn Quang	Trung	0	Kém	
65	65	DTE2153401150005	Tổng Đỗ Khánh	Tùng	0	Kém	
66	66	DTE2153401150049	Dương Thị Phương	Uyên	85	Tốt	
67	67	DTE2153401150168	Nguyễn Thị Tú	Uyên	84	Tốt	
68	68	DTE2153401150173	Hoàng Thị Kim	Yến	74	Khá	
69	69	DTE2153401150020	Lê Hoàng	Yến	70	Khá	
70	70	DTE2153401150022	Lý Thị	Yến	90	Xuất sắc	
71	71	DTE2153401150051	Hoàng Thị Việt	Chinh			Bảo lưu
K18 QT Marketing B							
72	1	DTE2153401150161	Mai Kim	Anh	90	Xuất sắc	
73	2	DTE2153401150131	Hoàng Thị Ngọc	Anh	90	Xuất sắc	
74	3	DTE2153401150117	Nguyễn Hoài	Anh	95	Xuất sắc	
75	4	DTE2153401150087	Nguyễn Phương	Anh	91	Xuất sắc	
76	5	DTE2153401150080	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	64	Trung bình	
77	6	DTE2153401150118	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	93	Xuất sắc	
78	7	DTE2153401150187	Nguyễn Thị Thanh	Bình	90	Xuất sắc	
79	8	DTE2153401150091	Nguyễn Tùng	Chi	84	Tốt	
80	9	DTE2153401150073	Phạm Thùy	Dung	83	Tốt	
81	10	DTE2153401150153	Đinh Đăng	Dương	90	Xuất sắc	
82	11	DTE2153401150092	Nguyễn Tùng	Dương	88	Tốt	
83	12	DTE2153401150129	Nguyễn Quốc	Đạt	90	Xuất sắc	
84	13	DTE2153401150150	Nguyễn Trung	Đức	96	Xuất sắc	
85	14	DTE2153401150076	Nguyễn Thị Hương	Giang	64	Trung bình	
86	15	DTE2153401150101	Vũ Thị Hương	Giang	90	Xuất sắc	
87	16	DTE2153401150191	Bế Nhật	Hải	64	Trung bình	
88	17	DTE2153401150110	Nguyễn Thị Như	Hằng	73	Khá	
89	18	DTE2153401150111	Nguyễn Thu	Hằng	73	Khá	
90	19	DTE2153401150012	Hà Thị Thu	Hiền	62	Trung bình	

ST	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
91	20	DTE2153401150119	Nguyễn Thị	Hiền	60	Trung bình	
92	21	DTE2153401150120	Trịnh Thị	Hiền	75	Khá	
93	22	DTE2153401150052	Tạ Thị	Hoa	91	Xuất sắc	
94	23	DTE2153401150155	Nông Lâm Thị	Hòa	88	Tốt	
95	24	DTE2153401150142	Lê Thị	Huệ	90	Xuất sắc	
96	25	DTE2153401150122	Nguyễn Quý	Huy	90	Xuất sắc	
97	26	DTE2153401150177	Hà Thị Thu	Huyền	78	Khá	
98	27	DTE2153401150112	Nguyễn Khánh	Huyền	91	Xuất sắc	
99	28	DTE2153401150160	Nguyễn Thị	Hương	90	Xuất sắc	
100	29	DTE2153401150124	Lê Duy	Khánh	88	Tốt	
101	30	DTE2153401150192	Nguyễn Hà	Khánh	90	Xuất sắc	
102	31	DTE2153401150135	Nguyễn Quốc	Khánh	0	Kém	
103	32	DTE2153401150086	Phạm Thị Mai	Lam	90	Xuất sắc	
104	33	DTE2153401150099	Triệu Khánh	Liều	92	Xuất sắc	
105	34	DTE2153401150148	Đinh Mai	Linh	89	Tốt	
106	35	DTE2153401150132	Ma Thùy	Linh	84	Tốt	
107	36	DTE2153401150137	Nguyễn Khánh	Linh	90	Xuất sắc	
108	37	DTE2153401150094	Bùi Thị	Luyên	60	Trung bình	
109	38	DTE2153401150106	Dương Thị Tuyết	Mai	90	Xuất sắc	
110	39	DTE2153401150085	Đào Thị	Mai	92	Xuất sắc	
111	40	DTE2153401150083	Đồng Thị	Mai	90	Xuất sắc	
112	41	DTE2153401150133	Phùng Thị Phương	Mai	89	Tốt	
113	42	DTE2153401150180	Nguyễn Thị Trà	My	88	Tốt	
114	43	DTE2153401150107	Đinh Giang	Nam	82	Tốt	
115	44	DTE2153401150126	Vũ Thị Kim	Ngân	86	Tốt	
116	45	DTE2153401150077	Trần Thị Bích	Ngọc	60	Trung bình	
117	46	DTE2153401150103	Nguyễn Thị	Nguyệt	90	Xuất sắc	
118	47	DTE2153401150149	Trần Thị	Phương	90	Xuất sắc	
119	48	DTE2153401150157	Nguyễn Thị	Phượng	90	Xuất sắc	
120	49	DTE2153401150127	Ngô Lục	Quân	60	Trung bình	
121	50	DTE2153401150114	Dương Thị Diễm	Quỳnh	90	Xuất sắc	
122	51	DTE2153401150096	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	90	Xuất sắc	
123	52	DTE2153401150158	Ngô Mai	Tâm	90	Xuất sắc	

ST	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
124	53	DTE2153401150194	Trần Huệ	Tâm	90	Xuất sắc	
125	54	DTE2153401150097	Trần Thị Kim	Thoa	90	Xuất sắc	
126	55	DTE2153401150115	Nguyễn Thị	Thùy	75	Khá	
127	56	DTE2153401150074	Nguyễn Thị Minh	Thư	85	Tốt	
128	57	DTE2153401150098	Chu Thị Thanh	Tĩnh	90	Xuất sắc	
129	58	DTE2153401150079	Dương Thị Thùy	Trang	99	Xuất sắc	
130	59	DTE2153401150109	Ngô Thị	Trang	91	Xuất sắc	
131	60	DTE2153401150134	Nguyễn Huyền	Trang	91	Xuất sắc	
132	61	DTE2153401150128	Nguyễn Quỳnh	Trang	91	Xuất sắc	
133	62	DTE2153401150139	Lưu Công	Tuyền	85	Tốt	
134	63	DTE2153401150188	Đỗ Thị	Thơ	85	Tốt	
135	64	DTE2153401150100	Phạm Hải	Yến	90	Xuất sắc	
136	65	DTE2153401010025	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	0	Kém	
K18 QTKD KS &DL							
137	1	DTE2158101030030	Nguyễn Thị Mai	Anh	75	Khá	
138	2	DTE2158101030003	Tạc Thị Ngọc	Bích	90	Xuất sắc	
139	3	DTE2158101030045	Phản Sào	Cường	0	Kém	
140	4	DTE2158101030009	Vũ Thị Tuyết	Chinh	92	Xuất sắc	
141	5	DTE2158101030021	Lê Nhật	Dương	75	Khá	
142	6	DTE2158101030032	Đỗ Thị Hương	Giang	81	Tốt	
143	7	DTE2158101030002	Nguyễn Hồng	Hải			Bảo lưu
144	8	DTE2158101030004	Hoàng	Hiếu	95	Xuất sắc	
145	9	DTE2158101030024	Phạm Minh	Hiếu	80	Tốt	
146	10	DTE2158101030012	Nguyễn Thị	Huệ	70	Khá	
147	11	DTE21581010300	Trần Khánh	Huyền	80	Tốt	
148	12	DTE2158101030037	Dương Mỹ	Lệ	80	Tốt	
149	13	DTE2158101030043	Lương Thị Ngọc	Mai	80	Tốt	
150	14	DTE2158101030005	Nguyễn Thị	Mai	0	Kém	
151	15	DTE2158101030001	Nguyễn Đức	Mạnh	75	Khá	
152	16	DTE2158101030049	Trần Thị Minh	Ngọc	65	Khá	
153	17	DTE2158101030011	Quách Thảo	Nguyên	80	Tốt	
154	18	DTE2158101030010	Nguyễn Phúc	Ngữ	75	Khá	
155	19	DTE2158101030048	Keokhounphet	Phou	80	Tốt	

ST	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
156	20	DTE2158101030028	Đỗ Thanh	Thảo	0	Kém	
157	21	DTE2158101030036	Trần Thị	Thảo	80	Tốt	
158	22	DTE2158101030020	Kiều Hoàng	Tiến	80	Tốt	
159	23	DTE2158101030034	Bùi Thị Thiên	Trang			Bảo lưu
160	24	DTE2158101030018	Hoàng Huyền	Trang	80	Tốt	
161	25	DTE2158101030007	Lê Thị Huyền	Trang	75	Khá	
162	26	DTE2158101030046	Trần Thị Huyền	Trang	75	Khá	
163	27	DTE2158101030029	Dương Thị Hiền	Trinh	75	Khá	
164	28	DTE2158101030035	Bùi Xuân	Trung	81	Tốt	
165	29	DTE2158101030042	Hoàng Đức	Trung	80	Tốt	
166	30	DTE2158101030013	Nguyễn Thu	Uyên	90	Xuất sắc	
167	31	DTE2158101030014	Nguyễn Thị Thảo	Vân	75	Khá	
168	32	DTE2158101030016	Hoàng Quốc	Việt	0	Kém	
K18 KD Quốc tế							
169	1	DTE2153401200017	Hoàng Thị Ngọc	Chi	75	Khá	
170	2	DTE2153401200012	Bùi Thị Kim	Cúc	83	Tốt	
171	3	DTE2153401200007	Đặng Trinh	Đạt	75	Khá	
172	4	DTE2153401200035	Trần Thanh	Hà	90	Xuất sắc	
173	5	DTE2153401200030	Nguyễn Thị	Hậu	92	Xuất sắc	
174	6	DTE2153401200009	Đoàn Thị Thu	Hiền	0	Kém	
175	7	DTE2153401200025	Nguyễn Thị Thu	Hoàn	92	Xuất sắc	
176	8	DTE2153401200023	Thân Quang	Huy	75	Khá	
177	9	DTE2153401200031	Triệu Thuý	Hường	78	Khá	
178	10	DTE2153401200026	Tạ Thị	Lan	91	Xuất sắc	
179	11	DTE2153401200016	Lê Thuý	Linh	75	Khá	
180	12	DTE2153401200022	Lý Ngọc Phương	Linh	78	Khá	
181	13	DTE2153401200024	Nguyễn Thảo Tâm	Minh	90	Xuất sắc	
182	14	DTE2153401200004	Trần Thị Huyền	My	89	Tốt	
183	15	DTE2153401200002	Lục Thanh	Ngà	89	Tốt	
184	16	DTE2153401200018	Phùng Hiếu	Như	90	Xuất sắc	
185	17	DTE2153401200019	Nguyễn Thị	Phương	90	Xuất sắc	
186	18	DTE2153401200020	Nguyễn Thị Bích	Phượng	78	Khá	
187	19	DTE2153401200036	Nguyễn Diễm	Quỳnh	0	Kém	

ST	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
188	20	DTE2153401200033	Phạm Thị Thanh	Tâm	75	Khá	
189	21	DTE2153401200003	Vũ Thị	Thom	85	Tốt	
190	22	DTE2153401200032	Đào Anh	Thư	79	Khá	
191	23	DTE2153401200027	Ma Thị Hoài	Thương	90	Xuất sắc	
192	24	DTE2153401200034	Nguyễn Thị	Thương	75	Khá	
193	25	DTE2153401200005	Chung Quỳnh	Trang	0	Kém	
194	26	DTE2153401200010	Nguyễn Ngọc	Uyên	75	Khá	
195	27	DTE2153401200015	Trần Minh	Uyên	90	Xuất sắc	

Xếp Loại	Số sinh viên
Xuất sắc	62
Tốt	55
Khá	54
Trung bình	9
Yếu	0
Kém	12
Không xét (bảo lưu)	3
Tổng	195

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN K18
KHOA NGÂN HÀNG - TÀI CHÍNH

Học kỳ II năm học 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 753/Q-ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 24 tháng 6 năm 2025)

LỚP K18 TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A							
STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
1	1	DTE2153402010030	Hoàng Thị Thu	An	90	Xuất sắc	
2	2	DTE2153402010165	Đinh Thị Quỳnh	Anh	100	Xuất sắc	
3	3	DTE2153402010171	Đoàn Thị	Anh	84	Tốt	
4	4	DTE2153402010048	Nguyễn Ngọc	Anh	80	Tốt	
5	5	DTE2153402010065	Nông Thị Minh	Anh	88	Tốt	
6	6	DTE2153402010010	Bàn Ngọc	Ánh	90	Xuất sắc	
7	7	DTE2153402010004	Bùi Minh	Ánh	90	Xuất sắc	
8	8	DTE2153402010057	Triệu Ngọc	Ánh	90	Xuất sắc	
9	9	DTE2153402010161	Hoàng Thị Ngọc	Chi	87	Tốt	
10	10	DTE2153402010149	Lường Thị	Hạnh	90	Xuất sắc	
11	11	DTE2153402010002	Lưu Thị Thu	Hằng	94	Xuất sắc	
12	12	DTE2153402010024	Phạm Thị Bích	Hậu	98	Xuất sắc	
13	13	DTE2153402010025	Trương Mỹ	Hoa	92	Xuất sắc	
14	14	DTE2153402010069	Lèng Thị	Hoài	75	Khá	
15	15	DTE2153402010070	Dương Thị	Huế	75	Khá	
16	16	DTE2153402010008	Nguyễn Quang	Huy	68	Khá	
17	17	DTE2153402010026	Nguyễn Thị	Hương	74	Khá	
18	18	DTE2153402010167	Ngô Thị	Lan	90	Xuất sắc	
19	19	DTE2153401150072	Nguyễn Ngọc	Lan	86	Tốt	
20	20	DTE2153402010033	Bùi Thanh	Lâm	98	Xuất sắc	
21	21	DTE2153402010012	Nguyễn Thị Linh	Linh	77	Khá	
22	22	DTE2153402010053	Phan Mỹ	Linh	89	Tốt	
23	23	DTE2153402010007	Trần Thị Phương	Linh	85	Tốt	
24	24	DTE2153402010168	Trần Thị Thảo	Ly	78	Khá	
25	25	DTE2153402010015	Đỗ Trà	Mi	87	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
26	26	DTE2153402010160	Hoàng Thanh	Nga	90	Xuất sắc	
27	27	DTE2153402010064	Lao Thị	Ngân	83	Tốt	
28	28	DTE2153402010058	Hoàng Hải	Ngọc	71	Khá	
29	29	DTE2153402010034	Trần Thị Thanh	Nhân	68	Khá	
30	30	DTE2153402010028	Vũ Việt	Phương	76	Khá	
31	31	DTE2153402010154	Bùi Quang	Thành	76	Khá	
32	32	DTE2153402010035	Lê Thị Thanh	Thảo	80	Tốt	
33	33	DTE2153402010071	Vũ Thị	Thảo	78	Khá	
34	34	DTE2153402010019	Đào Kim	Thư	98	Xuất sắc	
35	35	DTE2153402010046	Phạm Thị Thu	Trà	89	Tốt	
36	36	DTE2153402010029	Đỗ Thị Thu	Trang	70	Khá	
37	37	DTE2153402010060	Lê Thị Việt	Trinh	97	Xuất sắc	
38	38	DTE2153402010040	Hà Thị Ngọc	Vân	81	Tốt	
39	39	DTE2153402010042	Trần Lê	Xuân	100	Xuất sắc	
LỚP K18 TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B							
40	1	DTE2153402010094	Đinh Thị Vân	Anh	90	Xuất sắc	
41	2	DTE2153402010157	Nguyễn Thị Lan	Anh	80	Tốt	
42	3	DTE2153402010148	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	60	Trung bình	
43	4	DTE2153402010109	Vũ Thị Vân	Anh	82	Tốt	
44	5	DTE2153402010098	Đào Kim	Chi	73	Khá	
45	6	DTE2153402010116	Nguyễn Mai	Chinh	85	Tốt	
46	7	DTE2153402010140	Nguyễn Kiên	Cường	80	Tốt	
47	8	DTE2153402010075	Phạm Thị Hoài	Dương	100	Xuất sắc	
48	9	DTE2153402010099	Nguyễn Văn	Hải	82	Tốt	
49	10	DTE2153402010085	Ngô Thu	Hoài	74	Khá	
50	11	DTE2153402010082	Nguyễn Thị	Huế	69	Khá	
51	12	DTE2153402010150	Lại Thanh	Huyền	82	Tốt	
52	13	DTE2153402010174	Trần Thị	Huyền	82	Tốt	
53	14	DTE2153402010117	Nguyễn Thị Thu	Hương	82	Tốt	
54	15	DTE2153402010132	Nguyễn Thị Thùy	Linh	60	Trung bình	
55	16	DTE2153402010181	Nông Văn	Linh	90	Xuất sắc	
56	17	DTE2153402010120	Trần Khánh	Linh	30	Kém	Nghi học tự do

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
57	18	DTE2153402010133	Hoàng Khánh	Ly	74	Khá	
58	19	DTE2153402010072	Vũ Hương	Ly	60	Trung bình	
59	20	DTE2153402010134	Dương Văn	Mười	100	Xuất sắc	
60	21	DTE2153402010112	Trần Trà	My	88	Tốt	
61	22	DTE2153402010129	Vi Thị Trà	My	75	Khá	
62	23	DTE2153402010113	Đặng Thị	Ngân	88	Tốt	
63	24	DTE2153402010118	Nguyễn Thị Thu	Ngân	75	Khá	
64	25	DTE2153402010083	Hoàng Thị Yến	Nhi	73	Khá	
65	26	DTE2153402010158	Trần Thảo	Nhi	92	Xuất sắc	
66	27	DTE2153402010095	Nguyễn Thùy	Ninh	85	Tốt	
67	28	DTE2153402010122	Dương Thị	Oanh	88	Tốt	
68	29	DTE2153402010102	Nguyễn Thị	Oanh	75	Khá	
69	30	DTE2153402010180	Hoàng Minh	Quang	30	Kém	Nghi học tự do
70	31	DTE2153402010123	Ngô Thị Lan	Quỳnh	85	Tốt	
71	32	DTE2153402010076	Nguyễn Như	Quỳnh	70	Khá	
72	33	DTE2153402010138	Phạm Văn	Thái	98	Xuất sắc	
73	34	DTE2153402010103	Đỗ Thị	Thảo	92	Xuất sắc	
74	35	DTE2153402010087	Lều Thị Phương	Thảo	98	Xuất sắc	
75	36	DTE2153402010126	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	92	Xuất sắc	
76	37	DTE2153402010125	Hoàng Mạnh	Thắng	65	Khá	
77	38	DTE2153402010104	Nguyễn Minh	Thùy	70	Khá	
78	39	DTE2153402010156	Hoàng Minh	Thúy	70	Khá	
79	40	DTE2153402010151	Hoa Thị	Thuyết	90	Xuất sắc	
80	41	DTE2153402010166	Diệp Thị Anh	Thư	70	Khá	
81	42	DTE2153402010105	Đặng Kiều	Trang	81	Tốt	
82	43	DTE2153402010130	Nguyễn Huyền	Trang	70	Khá	
83	44	DTE2153402010106	Khuong Thị Bảo	Trúc	80	Tốt	
84	45	DTE2153402010089	Nghiêm Minh	Tuấn	95	Xuất sắc	
85	46	DTE2153402010131	Châm Công	Tùng	90	Xuất sắc	
86	47	DTE2153402010091	Quản Thị Thảo	Vân	100	Xuất sắc	
87	48	DTE2153402010147	Chu Văn	Vũ	85	Tốt	
88	49	DTE2153402010127	Dương Hải	Yến	82	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
89	50	DTE2153402010092	Lương Bảo	Yến	85	Tốt	
LỚP K18 TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG							
90	1	DTE2153402010169	Đào Thị Quỳnh	Anh	80	Tốt	
91	2	DTE2153402010077	Nguyễn Ngọc	Anh	86	Tốt	
92	3	DTE2153402010170	Đào Thị Hồng	Ánh	78	Khá	
93	4	DTE2153402010110	Đoàn Kiều Linh	Chi	85	Tốt	
94	5	DTE2153402010049	Lưu Đức	Chiến	80	Tốt	
95	6	DTE2153402010023	Hoàng Đức	Dũng	80	Tốt	
96	7	DTE2153402010016	Nguyễn Đức	Duy	69	Khá	
97	8	DTE2153402010056	Mai Phạm Thế	Đức	0	Kém	Nghỉ học tự do
98	9	DTE2153402010173	Nguyễn Trường	Giang	78	Khá	
99	10	DTE2153402010031	Chu Thị	Hoài	80	Tốt	
100	11	DTE2153402010063	Phạm Thu	Hoài	60	Trung bình	
101	12	DTE2153402010054	Nguyễn Công	Hoan	80	Tốt	
102	13	DTE2153402010044	Hoàng Nguyễn Mạnh	Hùng	80	Tốt	
103	14	DTE2153402010050	Nguyễn Tuấn	Hùng	80	Tốt	
104	15	DTE2153402010108	Nguyễn Quang	Huy	90	Xuất sắc	
105	16	DTE2153402010106	Phạm Quang	Huy	80	Tốt	
106	17	DTE2153402010032	Đoàn Bích	Huyền	85	Tốt	
107	18	DTE2153402010078	Nguyễn Trung	Kiên	80	Tốt	
108	19	DTE2153402010101	Lưu Thị Kiều	Linh	90	Xuất sắc	
109	20	DTE2153402010051	Trần Lê Phương	Linh	80	Tốt	
110	21	DTE2153402010017	Nguyễn Thị Kim	May	69	Khá	
111	22	DTE2153402010136	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	88	Tốt	
112	23	DTE2153402010114	Bùi Thị Thúy	Ngân	82	Tốt	
113	24	DTE2153402010027	La Thị Bảo	Ngọc	96	Xuất sắc	
114	25	DTE2153402010186	Phạm Vũ	Quý	92	Xuất sắc	
115	26	DTE2153402010001	Cao Huy Bảo	Son	70	Khá	
116	27	DTE2153402010038	Bùi Phương	Thảo	80	Tốt	
117	28	DTE2153402010045	Bùi Huy	Thắng	80	Tốt	
118	29	DTE2153402010096	Bùi Mạnh	Thắng	88	Tốt	
119	30	DTE2153402010139	Lê Minh	Trang	100	Xuất sắc	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
120	31	DTE2153402010039	Ngô Huyền	Trang	99	Xuất sắc	
121	32	DTE2153402010115	Nguyễn Thị Huyền	Trang	100	Xuất sắc	
122	33	DTE2153402010177	Đinh Ngọc	Trường	90	Xuất sắc	
123	34	DTE2153402010003	Phạm Đức	Trường	89	Tốt	
124	35	DTE2153402010055	Trần Xuân	Trường	70	Khá	
125	36	DTE2153402010090	Nguyễn Thanh	Tùng	85	Tốt	
126	37	DTE2153402010074	Phạm Doãn	Tùng	98	Xuất sắc	
127	38	DTE2153402010014	Tăng Đình	Văn	30	Kém	Nghi học tự do
128	39	DTE2153402010084	Đoàn Thị Bằng	Vi	82	Tốt	
129	40	DTE2153402010041	Nguyễn Trần Khánh	Vinh	82	Tốt	
130	41	DTE2153402010178	Phùng Tiến	Vinh	69	Khá	
131	42	DTE2153402010081	Nguyễn Anh	Vũ	80	Tốt	

Xếp Loại	Số sinh viên
Xuất sắc	37
Tốt	53
Khá	33
Trung bình	4
Yếu	0
Kém	4
Tổng	131

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN K18
KHOA QUẢN LÝ - LUẬT KINH TẾ

Học kỳ II năm học 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 753/Q-ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 24 tháng 6 năm 2025)

K18 LKT

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
1	1	DTE2153801070019	Dương Ngọc Anh	81	Tốt	
2	2	DTE2153801070041	Đàm Tùng Anh	80	Tốt	
3	3	DTE2153801070083	Lương Thế Anh	86	Tốt	
4	4	DTE2153801070025	Nguyễn Thị Lan Anh	85	Tốt	
5	5	DTE2153801070084	Nguyễn Văn Anh	85	Tốt	
6	6	DTE2153801070058	Phạm Thị Vân Anh	60	Trung bình	
7	7	DTE2153801070099	Trần Ngọc Anh	85	Tốt	
8	8	DTE2153801070009	Trần Việt Anh	82	Tốt	
9	9	DTE2153801070065	Trịnh Ngọc Ánh	86	Tốt	
10	10	DTE2153801070053	Phạm Thị Chi	85	Tốt	
11	11	DTE2153801070005	Nguyễn Tiến Dũng	85	Tốt	
12	12	DTE2153801070020	Vũ Thị Thùy Dương	86	Tốt	
13	13	DTE2153801070090	Hoàng Đình Đức	80	Tốt	
14	14	DTE2153801070038	Hứa Minh Đức	80	Tốt	
15	15	DTE2153801070069	Cao Thị Hương Giang	95	Xuất Sắc	
16	16	DTE2153801070013	Hoàng Thu Hà	98	Xuất Sắc	
17	17	DTE2153801070070	Hà Trần Minh Hải	97	Xuất Sắc	
18	18	DTE2153801070076	Ngô Mỹ Hạnh	95	Xuất Sắc	
19	19	DTE2153801070071	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	87	Tốt	
20	20	DTE2153801070059	Giá Hoàng Ngọc Hân	82	Tốt	
21	21	DTE2153801070057	Dương Thu Hiền	85	Tốt	
22	22	DTE2153801070055	Nguyễn Thúy Hiền	87	Tốt	
23	23	DTE2153801070085	Dương Trung Hiếu	100	Xuất Sắc	
24	24	DTE2153801070101	Hà Đoàn Trung Hiếu	80	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
25	25	DTE2153801070012	Dương Phương Hoa	83	Tốt	
26	26	DTE2153801070044	Hoàng Thị Hồng	81	Tốt	
27	27	DTE2153801070096	Nguyễn Văn Huân	80	Tốt	
28	28	DTE2153801070008	Mai Sinh Hùng	81	Tốt	
29	29	DTE2153801070035	Hứa Thị Lê	82	Tốt	
30	30	DTE2153801070045	Nguyễn Thị Thùy Linh	90	Xuất Sắc	
31	31	DTE2153801070003	Phan Diệu Linh	80	Tốt	
32	32	DTE2153801070001	Trần Mai Linh	85	Tốt	
33	33	DTE2153801070056	Trần Vũ Phương Linh	84	Tốt	
34	34	DTE2153801070030	Hoàng Thị Loan	80	Tốt	
35	35	DTE2153801070031	Hoàng Đức Long	80	Tốt	
36	36	DTE2153801070039	Nghiêm Thanh Long	80	Tốt	
37	37	DTE2153801070023	Hoàng Đức Lượng	83	Tốt	
38	38	DTE2153801070027	Phạm Khánh Ly	81	Tốt	
39	39	DTE2153801070004	Vũ Thanh Mai	83	Tốt	
40	40	DTE2153801070015	Lê Nhật Minh	81	Tốt	
41	41	DTE2153801070078	Nguyễn Thị Mỹ	95	Xuất Sắc	
42	42	DTE2153801070086	Lê Thị Thu Nga	86	Tốt	
43	43	DTE2153801070092	Nguyễn Kiều Nga	90	Xuất Sắc	
44	44	DTE2153801070087	Lê Thị Thu Ngân	86	Tốt	
45	45	DTE2153801070036	Trần Trọng Nghĩa	83	Tốt	
46	46	DTE2153801070029	Nguyễn Mạnh Nguyên	84	Tốt	
47	47	DTE2153801070006	Hoàng Thị Minh Nguyệt	87	Tốt	
48	48	DTE2153801070024	Nguyễn Tuyết Nhung	90	Xuất Sắc	
49	49	DTE2153801070061	Dương Đình Phú	97	Xuất Sắc	
50	50	DTE2153801070011	Ngô Thị Thu Phương	83	Tốt	
51	51	DTE2153801070007	Nguyễn Thị Quý	86	Tốt	
52	52	DTE2153801070094	Hoàng Duy Quynh	85	Tốt	
53	53	DTE2153801070014	Trần Trọng Quyết	88	Tốt	
54	54	DTE2153801070063	Bùi Như Quỳnh	85	Tốt	
55	55	DTE2153801070052	Phan Vân Quỳnh	97	Xuất Sắc	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên		Điểm Rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
56	56	DTE2153801070033	Hoàng Minh	Tâm	87	Tốt	
57	57	DTE2153801070040	Giàng A	Tếnh	83	Tốt	
58	58	DTE2153801070049	Dương Phương	Thảo	98	Xuất Sắc	
59	59	DTE2153801070042	Đinh Thị	Thiều	82	Tốt	
60	60	DTE2153801070073	Vì Thị	Thông	86	Tốt	
61	61	DTE2153801070016	Vũ Thị	Thu	82	Tốt	
62	62	DTE2153801070074	Lã Thị	Thư	90	Xuất Sắc	
63	63	DTE2153801070022	Nguyễn Thanh	Trà	87	Tốt	
64	64	DTE2153801070095	Đoàn Ngân	Trang	88	Tốt	
65	65	DTE2153801070100	Bạc Cẩm	Trường	84	Tốt	
66	66	DTE2153801070034	Phan Nguyễn Đức	Trường	91	Xuất Sắc	
67	67	DTE2153801070017	Ma Thị Cẩm	Tú	80	Tốt	
68	68	DTE2153801070081	Đỗ Xuân	Tùng	97	Xuất Sắc	
69	69	DTE2153801070080	Nguyễn Thị Tổ	Uyên	86	Tốt	
70	70	DTE2153801070037	Nguyễn Thị Kiều	Vân	85	Tốt	
71	71	DTE2153801070068	Đào Hải	Yến	97	Xuất Sắc	
72	72	DTE2153801070064	Nguyễn Hải	Yến	82	Tốt	
73	73	DTE2153801070046	Phan Thu	Yến	0	Kém	Nghi học không lý do
74	74	DTE20534010010	Đỗ Trí	An	85	Tốt	Chuyên ngành 2
75	75	DTE2053101040102	Nguyễn Thị Thùy	Dương	84	Tốt	Chuyên ngành 2
K18 QLKT A							
76	1	DTE2153404030002	Nguyễn Công	An	80	Tốt	
77	2	DTE2153404030008	Mai Quỳnh	Anh	90	Xuất sắc	
78	3	DTE2153404030060	Lý Thị Ngọc	Ánh	80	Tốt	
79	4	DTE2153404030097	Trịnh Quỳnh	Chi	87	Tốt	
80	5	DTE2153404030026	Nông Thị Mỹ	Duyên	80	Tốt	
81	6	DTE2153404030067	Bùi Hoàng	Dương	93	Xuất sắc	
82	7	DTE2153404030125	Nguyễn Khánh	Dương	80	Tốt	
83	8	DTE2153404030035	Đặng Quỳnh	Giao	75	Khá	
84	9	DTE2153404030007	Trần Trung	Hiếu	85	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên		Điểm Rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
85	10	DTE2153404030047	Trần Trung	Hiếu	85	Tốt	
86	11	DTE2153404030054	Dương Thị	Hoài	80	Tốt	
87	12	DTE2153404030069	Nguyễn Thị	Hoài	80	Tốt	
88	13	DTE2153404030055	Trần Thị	Hoàn	95	Xuất sắc	
89	14	DTE2153404030006	Nguyễn Thị	Huệ	80	Tốt	
90	15	DTE2153404030040	Lê Thế	Hùng	80	Tốt	
91	16	DTE2153404030036	Phạm Thu	Huyền	84	Tốt	
92	17	DTE2153404030039	Ngô Thị	Hường	78	Khá	
93	18	DTE2153404030034	Dương Ngọc	Lê	79	Khá	
94	19	DTE2153404030031	Đỗ Thị	Linh	93	Xuất sắc	
95	20	DTE2153404030051	Lê Mỹ	Linh	89	Tốt	
96	21	DTE2153404030024	Phí Thị Linh	Linh	80	Tốt	
97	22	DTE2153404030049	Nguyễn Thị	Mai	80	Tốt	
98	23	DTE2153404030062	Trần Thanh	Mai	76	Khá	
99	24	DTE2153404030003	Từ Thị	Mai	90	Xuất sắc	
100	25	DTE2153404030030	Hoàng Thị	Nga	76	Khá	
101	26	DTE2153404030070	Ngô Thị Bích	Ngọc	90	Xuất sắc	
102	27	DTE2153404030056	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	90	Xuất sắc	
103	28	DTE2153404030016	Phạm Hoàng Bảo	Ngọc	100	Xuất sắc	
104	29	DTE2153404030025	Nguyễn Đình	Nguyên	70	Khá	
105	30	DTE2153404030005	Trần Hoàng	Phương	80	Tốt	
106	31	DTE2153404030009	Vũ Tiến	Quân	70	Khá	
107	32	DTE2153404030045	Tạ Thị	Quyên	80	Tốt	
108	33	DTE2153404030011	Trương Quang	Sáng	85	Tốt	
109	34	DTE2153404030057	Trần Phương	Sen	75	Khá	
110	35	DTE2153404030063	Đặng Trần	Tấn	90	Xuất sắc	
111	36	DTE2153404030042	Dương Ngọc	Thành	70	Khá	
112	37	DTE2153404030052	Trương Thị Phương	Thảo	85	Tốt	
113	38	DTE2153404030071	Nguyễn Văn	Tiến	83	Tốt	
114	39	DTE2153404030041	Nguyễn Văn	Toàn	95	Xuất sắc	
115	40	DTE2153404030020	Dương Thùy	Trang	89	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
116	41	DTE2153404030038	Hoàng Thị Trang	98	Xuất sắc	
117	42	DTE2153404030058	Nguyễn Huyền Trang	80	Tốt	
118	43	DTE2153404030018	Nguyễn Anh Tú	90	Xuất sắc	
119	44	DTE2153404030059	Nguyễn Thị Uyên	80	Tốt	
120	45	DTE2153404030043	Nghiêm Xuân Phong	70	Khá	
K18 QLKT B						
121	1	DTE2153404030053	Hoàng Thị Ngọc Anh	96	Xuất Sắc	
122	2	DTE2153404030113	Lê Hải Anh	80	Tốt	
123	3	DTE2153404030128	Nguyễn Quốc Anh	88	Tốt	
124	4	DTE2153404030083	Nguyễn Diệu Ánh	86	Tốt	
125	5	DTE2153404030015	Đỗ Thanh Bình	85	Tốt	
126	6	DTE2153404030079	Trần Quỳnh Chi	88	Tốt	
127	7	DTE2153404030085	Lý Thị Ngọc Diệp	94	Xuất Sắc	
128	8	DTE2153404030120	Hoàng Ánh Dương	85	Tốt	
129	9	DTE2153404030066	Dương Hữu Đình	70	Khá	
130	10	DTE2153404030104	Bùi Thị Thúy Hằng	80	Tốt	
131	11	DTE2153404030106	Đỗ Thị Hoa	75	Khá	
132	12	DTE2153404030124	Lý Thị Quỳnh Hoa	85	Tốt	
133	13	DTE2153404030022	Nguyễn Huy Hoàng	67	Khá	
134	14	DTE2153404030088	Hoàng Ngọc Huyền	92	Xuất Sắc	
135	15	DTE2153404030082	Hoàng Thị Khuyên	85	Tốt	
136	16	DTE2153404030080	Cao Thị Diệu Linh	75	Khá	
137	17	DTE2153404030076	Lăng Thị Mỹ Linh	92	Xuất Sắc	
138	18	DTE2153404030123	Dương Thị Loan	80	Tốt	
139	19	DTE2153404030073	Đinh Thị Loan	95	Xuất Sắc	
140	20	DTE2153404030001	Bùi Lê Mai	67	Khá	
141	21	DTE2153404030115	Hoàng Ngọc Mai	82	Tốt	
142	22	DTE2153404030017	Ngô Lương Minh	67	Khá	
143	23	DTE2153402010073	Vũ Huyền My	80	Tốt	
144	24	DTE2153404030092	Nguyễn Phương Nam	80	Tốt	
145	25	DTE2153404030089	Trần Phương Nam	85	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
146	26	DTE2153404030023	Nguyễn Huy Ngọc	85	Tốt	
147	27	DTE2153404030081	Nguyễn Thị Thu Phương	65	Khá	
148	28	DTE2153402010073	Vũ Hà Phương	96	Xuất Sắc	
149	29	DTE2153404030102	Phạm Minh Phương	85	Tốt	
150	30	DTE2153404030075	Nguyễn Thị Quế	85	Tốt	
151	31	DTE2153404030094	Dương Văn Quý	88	Tốt	
152	32	DTE2153404030068	Nguyễn Việt Quý	85	Tốt	
153	33	DTE2153404030098	Phan Văn Quyền	85	Tốt	
154	34	DTE2153404030121	Nguyễn Thị Như Sen	85	Tốt	
155	35	DTE2153404030110	Đặng Thanh Thảo	85	Tốt	
156	36	DTE2153404030064	Hà Thị Thảo	85	Tốt	
157	37	DTE2153404030099	Bùi Thị Trà	96	Xuất Sắc	
158	38	DTE2153404030093	Ma Thị Huyền Trang	80	Tốt	
159	39	DTE2153404030065	Nguyễn Thị Thảo Trang	88	Tốt	
160	40	DTE2153404030100	Nguyễn Thị Thu Trang	88	Tốt	
161	41	DTE2153404030014	Nguyễn Thùy Trang	85	Tốt	
162	42	DTE2153404030095	Nguyễn Anh Tú	90	Xuất Sắc	
163	43	DTE2153404030044	Dương Bảo Tuấn	82	Tốt	
164	44	DTE2153404030096	Dương Thị Tuyển	80	Tốt	
165	45	DTE2153404030101	Nguyễn Thị Hải Yến	85	Tốt	

Xếp Loại	Số sinh viên	Tỷ lệ
Xuất sắc	35	21.21%
Tốt	99	60.00%
Khá	29	17.58%
Trung bình	1	0.61%
Yếu	0	0.00%
Kém	1	0.61%
Không xét	0	0.00%
Bảo lưu	0	0.00%
Tổng số	165	100.00%

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN K18
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

Học kỳ II năm học 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 753/Q-ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 24 tháng 6 năm 2025)

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại Rèn luyện	Ghi chú
Lớp: K18LOGSITIC							
1	1	DTE2155106050055	Đặng Thanh	An	70	Khá	
2	2	DTE2155106050026	Đinh Ngọc	Anh	65	Khá	
3	3	DTE2155106050003	Lê Tuấn	Anh	68	Khá	
4	4	DTE2155106050041	Nguyễn Lê Quang	Anh	66	Khá	
5	5	DTE2155106050042	Đinh Thị Ngọc	Ánh	71	Khá	
6	6	DTE2155106050048	Dương Thị	Đào	71	Khá	
7	7	DTE2155106050025	Trần Thị	Đông	65	Khá	
8	8	DTE2155106050016	Nguyễn Thị Thu	Hà	71	Khá	
9	9	DTE2155106050021	Nguyễn Thu	Hà	71	Khá	
10	10	DTE2155106050049	Vũ Thị	Hồng	70	Khá	
11	11	DTE2155106050001	Trần	Hùng	70	Khá	
12	12	DTE2155106050039	Nguyễn Quang	Huy	81	Tốt	
13	13	DTE2155106050013	Cáp Thị Khánh	Huyền	70	Khá	
14	14	DTE2155106050027	Lường Thị	Huyền	70	Khá	
15	15	DTE2155106050004	Nguyễn Thu	Huyền	70	Khá	
16	16	DTE2155106050056	Bùi Quốc	Hưng	71	Khá	
17	17	DTE2155106050002	Nguyễn Tuấn	Hưng	77	Khá	
18	18	DTE2155106050059	Nguyễn Thị	Lan	70	Khá	
19	19	DTE2155106050043	Dương Thị	Linh	69	Khá	
20	20	DTE2155106050018	Tạ Thị Cẩm	Ly	80	Tốt	
21	21	DTE2155106050005	Trần Thị Cẩm	Ly	70	Khá	
22	22	DTE2155106050028	Bùi Hoài	Nam	70	Khá	
23	23	DTE2155106050010	Đào Hà Trang	Ngân	61	Trung bình	
24	24	DTE2155106050029	Hoàng Thị	Ngọc	81	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại Rèn luyện	Ghi chú
25	25	DTE2155106050035	Nguyễn Khánh	Ngọc	68	Khá	
26	26	DTE2155106050019	Lê Thị Hồng	Nhung	71	Khá	
27	27	DTE2155106050038	Trần Thị Hồng	Nhung	70	Khá	
28	28	DTE2155106050009	Nguyễn Thị	Phuong	71	Khá	
29	29	DTE2155106050044	Phạm Thị	Quyên	71	Khá	
30	30	DTE2155106050020	Phạm Thị Lệ	Quyên	71	Khá	
31	31	DTE2155106050058	Hồ Thúy	Tâm	71	Khá	
32	32	DTE2155106050022	Nguyễn Tất	Thành	63	Trung bình	
33	33	DTE2155106050015	Dương Thị	Thảo	69	Khá	
34	34	DTE2155106050040	Nguyễn Thị	Thảo	71	Khá	
35	35	DTE2155106050045	Nguyễn Thị Phương	Thảo	79	Khá	
36	36	DTE2155106050023	Hoàng Thị Diệp	Thương	71	Khá	
37	37	DTE2155106050053	Đinh Thị Thùy	Trang	63	Trung bình	
38	38	DTE2155106050037	Trần Thị Thu	Trang	68	Khá	
39	39	DTE2155106050017	Nguyễn Quốc	Trọng	65	Khá	
40	40	DTE2155106050057	Đoàn Đức	Trung	65	Khá	
41	41	DTE2155106050014	Lê Quang	Trung	69	Khá	
42	42	DTE2155106050006	Nguyễn Hà	Trung	61	Trung bình	
43	43	DTE2155106050024	Hoàng Anh	Tú	71	Khá	
44	44	DTE2155106050030	Ngô Trịnh Thanh	Tú	71	Khá	
45	45	DTE2155106050007	Trịnh Cẩm	Tú	70	Khá	
46	46	DTE2155106050034	Vi Thị Minh	Uyên	68	Khá	
47	47	DTE2155106050051	Nguyễn Thị	Vân	70	Khá	
48	48	DTE2155106050050	Nguyễn Thị Thu	Yến	70	Khá	
K18QTKD A							
49	1	DTE2153401010053	Mai Lan	Anh	70	Khá	
50	2	DTE2153401010013	Nguyễn Thị Mai	Anh	70	Khá	
51	3	DTE2153401010096	Dương Thị Ngọc	Ánh	70	Khá	
52	4	DTE2153401010388	Hà Văn	Bắc	50	Trung bình	VPQC
53	5	DTE2153401010370	Nguyễn Thị	Bích	60	Trung bình	
54	6	DTE2153401010039	Lý Thị Ngọc	Diệp	60	Trung bình	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại Rèn luyện	Ghi chú
55	7	DTE2153401010038	Hà Thị Vân	Dung	70	Khá	
56	8	DTE2153401010026	Nguyễn Tiến	Dũng	70	Khá	
57	9	DTE2153401010180	Thuận Tiến	Dũng	69	Khá	
58	10	DTE2153401010046	Trần Khánh	Duy	70	Khá	
59	11	DTE2153401010056	Ngô Ngọc	Duyên	70	Khá	
60	12	DTE2153401010028	Nguyễn Thị	Dược	70	Khá	
61	13	DTE2153401010036	Trần Hồng	Điệp	60	Trung bình	
62	14	DTE2153401010024	Vũ Minh	Đức	70	Khá	
63	15	DTE2153401010058	Hoàng Nguyễn Thu	Giang	70	Khá	
64	16	DTE2153401010057	Vũ Thùy	Giang	70	Khá	
65	17	DTE2153401010059	Trần Thị	Hà	70	Khá	
66	18	DTE2153401010018	Vũ Bá	Hải	80	Tốt	
67	19	DTE2153401010040	Lý Thu	Hằng	70	Khá	
68	20	DTE2153401010006	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	70	Khá	
69	21	DTE2153401010061	Hoàng Thị Khánh	Hậu	70	Khá	
70	22	DTE2153401010009	Đoàn Thị	Hiền	70	Khá	
71	23	DTE2153401010041	Nguyễn Thị	Hiền	70	Khá	
72	24	DTE2153401010326	Phạm Thị Mai	Hoa	70	Khá	
73	25	DTE2153401010062	Nguyễn Việt	Hoàng	70	Khá	
74	26	DTE2153401010390	Nguyễn Thị	Hồng	70	Khá	
75	27	DTE2153401010054	Hoàng Minh	Hợp	80	Tốt	
76	28	DTE2153401010029	Đỗ Huy	Hùng	80	Tốt	
77	29	DTE2153401010010	Trần Thu	Huyền	70	Khá	
78	30	DTE2153401010108	Nguyễn Việt	Hung	78	Khá	
79	31	DTE2153401010397	Nguyễn Công	Khải	60	Trung bình	
80	32	DTE2153401010063	Trần Trọng	Khánh	60	Trung bình	
81	33	DTE2153401010020	Dương Thị Mỹ	Lệ	70	Khá	
82	34	DTE2153401010014	Đỗ Thị Thùy	Linh	70	Khá	
83	35	DTE2153401010021	Đồng Huyền	Linh	70	Khá	
84	36	DTE2153401010049	Trương Văn	Linh	80	Tốt	
85	37	DTE2153401010384	Nguyễn Văn	Lợi	70	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại Rèn luyện	Ghi chú
86	38	DTE2153401010064	Nguyễn Thị	Ly	70	Khá	
87	39	DTE2153401010007	Nguyễn Tiến	Mạnh	80	Tốt	
88	40	DTE2153401010319	Đình Bình	Minh	67	Khá	
89	41	DTE2153401010032	Nguyễn Đăng	Mỹ	69	Khá	
90	42	DTE2153401010055	Nguyễn Thị Xuân	Nga	69	Khá	
91	43	DTE2153401010357	Bùi Trung	Nghĩa	60	Trung bình	
92	44	DTE2153401010065	Dương Ánh Hồng	Ngọc	70	Khá	
93	45	DTE2153401010002	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	70	Khá	
94	46	DTE2153401010033	Đồng Thị Thảo	Ngọc	60	Trung bình	
95	47	DTE2153401010034	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	70	Khá	
96	48	DTE2153401010067	Phạm Thị	Nhi	70	Khá	
97	49	DTE2153401010042	Hoàng Thị Hồng	Nhung	70	Khá	
98	50	DTE2153401010016	Đậu Thị	Phượng	67	Khá	
99	51	DTE2153401010017	Hoàng Nguyễn Thế	Quang	70	Khá	
100	52	DTE2153401010023	Phạm Phương	Thảo	70	Khá	
101	53	DTE2153401010005	Vũ Chiến	Thắng	70	Khá	
102	54	DTE2153401010358	Lục Văn	Thiện	60	Trung bình	
103	55	DTE2153401010399	Dương Thị	Thuận	60	Trung bình	
104	56	DTE2153401010068	Trần Anh	Thư	70	Khá	
105	57	DTE2153401010051	Nguyễn Minh	Tiến	60	Trung bình	
106	58	DTE2153401010003	Hoàng Thu	Trang	80	Tốt	
107	59	DTE2153401010329	Lê Quỳnh	Trang	70	Khá	
108	60	DTE2153401010011	Trần Thu	Trang	67	Khá	
109	61	DTE2153401010142	Trần Thị Thanh	Trúc	70	Khá	
110	62	DTE2153401010012	Đào Thị	Văn	67	Khá	
111	63	DTE2153401010069	Nguyễn Thảo	Vân	70	Khá	
112	64	DTE2153401010071	Lê Hoàng	Yến	70	Khá	
K18 QTKD B							
113	1	DTE2153401010104	Trần Thị	An	68	Khá	
114	2	DTE2153401010095	Nguyễn Hoàng	Anh	58	Trung bình	
115	3	DTE2153401010044	Nguyễn Thị Mai	Anh	56	Trung bình	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại Rèn luyện	Ghi chú
116	4	DTE2153401010354	Nguyễn Việt	Anh	58	Trung bình	
117	5	DTE2153401010105	Trần Thị Vân	Anh	67	Khá	
118	6	DTE2153401010244	Nguyễn Hồng	Ánh	56	Trung bình	
119	7	DTE2153401010140	Nguyễn Văn	Bằng	60	Trung bình	
120	8	DTE2153401010367	Trần Văn	Cường	73	Khá	
121	9	DTE2153401010147	Vũ Trung	Dũng	0	Kém	
122	10	DTE2153401010088	Phạm Thị	Đào	65	Khá	
123	11	DTE2153401010332	Triệu Thị	Đào	68	Khá	
124	12	DTE2153401010139	Đinh Quang	Đạt	60	Trung bình	
125	13	DTE2153401010115	Lê Thị Hương	Giang	60	Trung bình	
126	14	DTE2153401010074	Phạm Thị Thanh	Giang	73	Khá	
127	15	DTE2153401010166	Đặng Lê	Hà	67	Khá	
128	16	DTE2153401010075	Nguyễn Hoàng	Hà	72	Khá	
129	17	DTE2153401010143	Hà Thị Minh	Hằng	65	Khá	
130	18	DTE2153401010076	Dương Minh	Hiếu	60	Trung bình	
131	19	DTE2153401010077	Đinh Quốc	Hoàng	67	Khá	
132	20	DTE2153401010109	Nguyễn Thị Thu	Huyền	65	Khá	
133	21	DTE2153401010089	Nông Thị Thanh	Huyền	80	Tốt	
134	22	DTE2153401010090	Ngô Thương	Khoa	73	Khá	
135	23	DTE2153401010391	Sonethavong	Khounthavisouk	0	Kém	
136	24	DTE2153401010118	Hứa Đình	Khôi	0	Kém	
137	25	DTE2153401010127	Hoàng Thị	Lê	67	Khá	
138	26	DTE2153401010128	Đặng Thị Mai	Linh	63	Trung bình	
139	27	DTE2153401010129	Lê Thùy	Linh	72	Khá	
140	28	DTE2153401010098	Triệu Khánh	Linh	65	Khá	
141	29	DTE2153401010138	Lêng Hữu	Long	65	Khá	
142	30	DTE2153401010392	Vilaiphone	Maiphone	70	Khá	
143	31	DTE2153401010175	Nghiêm Gia	Nam	60	Trung bình	
144	32	DTE2153401010131	Hoàng Hữu	Nghị	65	Khá	
145	33	DTE2153401010092	Trần Bá	Nghĩa	60	Trung bình	
146	34	DTE2153401010079	Hầu Ánh	Nguyệt	66	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại Rèn luyện	Ghi chú
147	35	DTE2153401010080	Dương Thị Thanh	Nhận	60	Trung bình	
148	36	DTE2153401010081	Hoàng Thị	Nhung	58	Trung bình	
149	37	DTE2153401010099	Hà Thị	Phúc	54	Trung bình	
150	38	DTE2153401010320	Đoàn Thị Thanh	Phuong	66	Khá	
151	39	DTE2153401010136	Khương Thu	Phuong	56	Trung bình	
152	40	DTE2153401010121	Ngô Hồng	Quang	56	Trung bình	
153	41	DTE2153401010100	Dương Thị	Quyên	65	Khá	
154	42	DTE2153401010141	Trần Thị	Quỳnh	66	Khá	
155	43	DTE2153401010093	Trần Trọng	Sang	61	Trung bình	
156	44	DTE2153401010150	Ngô Đức	Son	60	Trung bình	
157	45	DTE2153401010082	Trần Hoàng	Son	64	Trung bình	
158	46	DTE2153401010083	Nguyễn Thanh	Tâm	66	Khá	
159	47	DTE2153401010322	Lương Thị Thu	Thảo	56	Trung bình	
160	48	DTE2153401010145	Nguyễn Đức	Thắng	60	Trung bình	
161	49	DTE2153401010122	Ngô Thị	Thùy	86	Tốt	
162	50	DTE2153401010111	Dương Thị Minh	Thuyết	66	Khá	
163	51	DTE2153401010085	Hầu Thị	Thương	60	Trung bình	
164	52	DTE2153401010101	Nguyễn Thị	Thương	70	Khá	
165	53	DTE2153401010123	Nguyễn Thu	Trang	67	Khá	
166	54	DTE2153401010112	Trần Thị Thu	Trang	71	Khá	
167	55	DTE2153401010086	Hoàng Anh	Tuấn	65	Khá	
168	56	DTE2153401010324	Dương Hoàng	Uyên	70	Khá	
169	57	DTE2153401010102	Ngô Tú	Uyên	65	Khá	
170	58	DTE2153401010330	Trần Thị	Xoan	63	Trung bình	
K18QTKD C							
171	1	DTE2153401010197	Tổng Khánh	An	68	Khá	
172	2	DTE2153401010183	Lục Tuấn	Anh	62	Trung bình	
173	3	DTE2153401010188	Nguyễn Hoàng Tuấn	Anh	61	Trung bình	
174	4	DTE2153401010159	Trương Việt	Anh	65	Khá	
175	5	DTE2153401010160	Phạm Ngọc	Ánh	65	Khá	
176	6	DTE2153401010346	Giàng A	Dinh	65	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại Rèn luyện	Ghi chú
177	7	DTE2153401010211	Dương Khánh	Duy	64	Trung bình	
178	8	DTE2153401010231	Nguyễn Kỳ	Duyên	74	Khá	
179	9	DTE2153401010212	Nguyễn Thị	Duyên	68	Khá	
180	10	DTE2153401010157	Nguyễn Văn	Đại	63	Trung bình	
181	11	DTE2153401010186	Trần Tiến	Đạt	69	Khá	
182	12	DTE2153401010158	Phạm Hải	Đăng	80	Tốt	
183	13	DTE2153401010213	Đinh Thị Trà	Giang	71	Khá	
184	14	DTE2153401010161	Lý Trường	Giang	69	Khá	
185	15	DTE2153401010309	Trần Thị	Hà	64	Trung bình	
186	16	DTE2153401010347	Nguyễn Thị	Hàng	0	Kém	
187	17	DTE2153401010199	Đỗ Trung	Hiếu	61	Trung bình	
188	18	DTE2153401010148	Trần Quang	Hiếu	90	Xuất sắc	
189	19	DTE2153401010162	Trần Văn	Hiếu	49	Yếu	
190	20	DTE2153401010363	Nguyễn Mai	Hoa	0	Kém	
191	21	DTE2153401010232	Phạm Thu	Hoài	70	Khá	
192	22	DTE2153401010163	Phan Gia	Huệ	56	Trung bình	
193	23	DTE2153401010214	Nguyễn Ngọc	Huyền	76	Khá	
194	24	DTE2153401010182	Phùng An	Hung	69	Khá	
195	25	DTE2153401010191	Đỗ Lan	Hương	60	Trung bình	
196	26	DTE2153401010173	Nguyễn Thị Thu	Hương	68	Khá	
197	27	DTE2153401010184	Trần Thị Lan	Hương	65	Khá	
198	28	DTE2153401010215	Đinh Đình	Khánh	0	Kém	
199	29	DTE2153401010201	Vũ Duy	Khánh	65	Khá	
200	30	DTE2153401010216	Phạm Đức	Khoa	70	Khá	
201	31	DTE2153401010218	Trần Thị Ngọc	Lan	71	Khá	
202	32	DTE2153401010217	Nguyễn Vũ	Lâm	71	Khá	
203	33	DTE2153401010317	Lã Thị Bích	Liên	81	Tốt	
204	34	DTE2153401010337	Hoàng Văn	Linh	54	Trung bình	
205	35	DTE2153401010344	Nguyễn Diệu	Linh	60	Trung bình	
206	36	DTE2153401010338	Phạm Khánh	Linh	60	Trung bình	
207	37	DTE2153401010203	Bùi Đức	Long	65	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại Rèn luyện	Ghi chú
208	38	DTE2153401010202	Trần Phi	Long	65	Khá	
209	39	DTE2153403010460	Đinh Trà	My	70	Khá	
210	40	DTE2153401010153	Trần Nguyễn Minh	Mỹ	66	Khá	
211	41	DTE2153401010194	Lê Ngô Phương	Nam	59	Trung bình	
212	42	DTE2153401010365	Lộc Hải	Nam	0	Kém	
213	43	DTE2153401010185	Nguyễn Thành	Nam	70	Khá	
214	44	DTE2153401010209	Huỳnh Thị	Nga	80	Tốt	
215	45	DTE2153401010227	Vũ Kim	Ngân	65	Khá	
216	46	DTE2153401010221	Hà Văn	Nghiệp	65	Khá	
217	47	DTE2153401010154	Mạc Trung	Nguyên	63	Trung bình	
218	48	DTE2153401010198	Nguyễn Công	Phong	70	Khá	
219	49	DTE2153401010310	Nguyễn Thị	Phương	69	Khá	
220	50	DTE2153401010228	Nguyễn Phương	Quyên	60	Trung bình	
221	51	DTE2153401010222	Vũ Thị	Quyên	61	Trung bình	
222	52	DTE2153401010155	Trần Như	Quỳnh	67	Khá	
223	53	DTE2153401010193	Đinh Thị	Sen	0	Kém	
224	54	DTE2153401010189	Vũ Linh	Tâm	63	Trung bình	
225	55	DTE2153401010348	Tô Phương	Thảo	68	Khá	
226	56	DTE2153401010167	Nguyễn Quang	Thắng	69	Khá	
227	57	DTE2153401010178	Nguyễn Đức	Thiện	70	Khá	
228	58	DTE2153401010171	Nguyễn Thị	Thu	60	Trung bình	
229	59	DTE2153401010379	Dương Thị	Thùy	61	Trung bình	
230	60	DTE2153401010224	Nguyễn Hồng	Thương	61	Trung bình	
231	61	DTE2153401010168	Trần Thị Hiền	Thương	90	Xuất sắc	
232	62	DTE2153401010190	Phan Minh	Tiên	62	Trung bình	
233	63	DTE2153401010225	Nguyễn Thị	Tiếp	70	Khá	
234	64	DTE2153401010342	Hoàng Khánh	Trà	61	Trung bình	
235	65	DTE2153401010204	Lộc Ngọc	Trung	69	Khá	
236	66	DTE2153401010181	Hoàng Thị Thanh	Tuyền	67	Khá	
237	67	DTE2153401010164	Chu Thị Kim	Tuyền	70	Khá	
238	68	DTE2153401010200	Hoàng Thảo	Vân	64	Trung bình	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại Rèn luyện	Ghi chú
239	69	DTE2153401010179	Trần Long	Vũ	61	Trung bình	
K18 QTKD D							
240	1	DTE2153401010230	Trần Tú	An	75	Khá	
241	2	DTE2153401010292	Nguyễn Ngọc	Anh	75	Khá	
242	3	DTE2153401010408	Nguyễn Thị Vân	Anh	76	Khá	
243	4	DTE2153401010275	Phạm Xuân	Bách	80	Tốt	
244	5	DTE2153401010241	Đào Phương	Bảo	75	Khá	
245	6	DTE2153401010306	Dương Văn	Bách	73	Khá	
246	7	DTE2153401010308	Nguyễn Đình	Bình	71	Khá	
247	8	DTE2153401010242	Nguyễn Thị	Chúc	72	Khá	
248	9	DTE2153401010372	Hoàng Thị	Dung	75	Khá	
249	10	DTE2153401010385	Vũ Mạnh	Dũng	75	Khá	
250	11	DTE2153401010304	Đặng Mỹ	Duyên	79	Khá	
251	12	DTE2153401010287	Hoàng Thị	Duyên	79	Khá	
252	13	DTE2153401010294	Hoàng Thị Thu	Hà	74	Khá	
253	14	DTE2153401010260	Phan Thu	Hà	73	Khá	
254	15	DTE2153401010301	Ngô Thuý	Hằng	74	Khá	
255	16	DTE2153401010395	Trần Thị	Hằng	74	Khá	
256	17	DTE2153401010351	Lưu Đình	Hiếu	75	Khá	
257	18	DTE2153401010394	Đỗ Thị	Hoa	75	Khá	
258	19	DTE2153401010247	Lê Huy	Hoàng	70	Khá	
259	20	DTE2153401010249	Vũ Thị Hồng	Huế	0	Kém	
260	21	DTE2153401010374	Đông Quang	Huy	70	Khá	
261	22	DTE2153401010285	Nguyễn Thị	Huyền	80	Tốt	
262	23	DTE2153401010233	Lục Thị Thu	Hương	75	Khá	
263	24	DTE2153401010258	Nguyễn Thị Thu	Hương	75	Khá	
264	25	DTE2153401010262	Hoàng Thị Mai	Hường	79	Khá	
265	26	DTE2153401010288	Ngô Quốc	Khánh	70	Khá	
266	27	DTE2153401010297	Nguyễn Thị Phương	Lan	100	Xuất sắc	
267	28	DTE2153401010235	Nông Thị	Lan	75	Khá	
268	29	DTE2153401010296	Tạ Thị	Lan	75	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại Rèn luyện	Ghi chú
269	30	DTE2153401010263	Dương Thị	Lệ	75	Khá	
270	31	DTE2153401010050	Đặng Thị	Linh	65	Khá	
271	32	DTE2153401010250	Hứa Hiền	Long	75	Khá	
272	33	DTE2153401010264	Bế Quang	Luyện	79	Khá	
273	34	DTE2153401010339	Ngô Hương	Ly	78	Khá	
274	35	DTE2153401010375	Nguyễn Duy	Mạnh	75	Khá	
275	36	DTE2153401010237	Nguyễn Đức	Mạnh	81	Tốt	
276	37	DTE2153401010352	Nguyễn Thị Trà	My	75	Khá	
277	38	DTE2153401010378	Nguyễn Hải	Nam	76	Khá	
278	39	DTE2153401010302	Ngô Thuý	Nga	76	Khá	
279	40	DTE2153401010298	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	64	Trung bình	VPQC
280	41	DTE2153401010289	Đinh Hồng	Ngọc	79	Khá	
281	42	DTE2153401010149	Nguyễn Hồng	Nhung	79	Khá	
282	43	DTE2153401010335	Phạm Thị Hồng	Nhung	74	Khá	
283	44	DTE2153401010252	Trần Bích	Phượng	65	Khá	
284	45	DTE2153401010120	Nguyễn Đức	Quang	78	Khá	
285	46	DTE2153401010278	Đỗ Đình	Quân	70	Khá	
286	47	DTE2153401010238	Lê Minh	Quân	80	Tốt	
287	48	DTE2153401010311	Trần Ngọc	Quyên	80	Tốt	
288	49	DTE2153401010312	Trần Đào Thái	Son	75	Khá	
289	50	DTE2153401010283	Chu Văn	Tâm	70	Khá	
290	51	DTE2153401010254	Hà Thị Thu	Tâm	77	Khá	
291	52	DTE2153401010135	Nguyễn Ngọc	Tâm	73	Khá	
292	53	DTE2153401010267	Ngô Danh	Thái	80	Tốt	
293	54	DTE2153401010321	Nguyễn Phương	Thanh	80	Tốt	
294	55	DTE2153401010286	Vũ Thị Mai	Thanh	80	Tốt	
295	56	DTE2153401010239	Dương Thị Phương	Thảo	90	Xuất sắc	
296	57	DTE2153401010279	Nguyễn Phương	Thảo	80	Tốt	
297	58	DTE2153401010303	Nguyễn Thị Hồng	Thom	79	Khá	
298	59	DTE2153401010268	Nguyễn Thu	Thùy	70	Khá	
299	60	DTE2153401010256	Ma Thị	Thúy	75	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại Rèn luyện	Ghi chú
300	61	DTE2153401010314	Nguyễn Thị	Thúy	80	Tốt	
301	62	DTE2153401010290	Hoàng Thị	Thương	80	Tốt	
302	63	DTE2153401010383	Lâm Xuân	Tĩnh	0	Kém	
303	64	DTE2153401010269	Trần Thị Thu	Trà	70	Khá	
304	65	DTE2153401010272	Lê Huyền	Trang	90	Xuất sắc	
305	66	DTE2153401010377	Lục Thị	Trang	80	Tốt	
306	67	DTE2153401010282	Phạm Thị	Trang	80	Tốt	
307	68	DTE2153401010270	Phan Thị	Trang	79	Khá	
308	69	DTE2153401010259	Đào Anh	Tuấn	80	Tốt	
309	70	DTE2153401010300	Tạ Thị	Tuyền	80	Tốt	
310	71	DTE2153401010273	Lục Thanh	Văn	79	Khá	
311	72	DTE2153401010315	Đào Duy	Việt	90	Xuất sắc	
312	73	DTE2153401010257	Nguyễn Thị Hải	Yến	79	Khá	

Bảng tổng hợp

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	6	1.92
Tốt	29	9.29
Khá	204	65.38
Trung bình	62	19.87
Yếu	1	0.32
Kém	10	3.21
Bảo lưu, không xét	0	0.00
Tổng	312	100